

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo trình độ đại học
Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, mã ngành 7810103

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐT ngày 30/5/2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Điện lực ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Điện lực;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 638/QĐ-ĐHDL ngày 24/5/2022 của Trường Đại học Điện lực về việc ban hành Quy định thẩm định, đánh giá, cải tiến chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 670/QĐ-ĐHDL ngày 02/06/2022 của Trường Đại học Điện lực về việc giao nhiệm vụ đánh giá, cải tiến chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Biên bản số 1980/BB-ĐHDL, ngày 31/8/2023 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Điện lực về việc thông qua chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành của Khoa Kinh tế & Quản lý;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, mã ngành 7810103 (có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Bản mô tả chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, mã ngành 7810103 áp dụng từ khóa D17 và định kỳ cập nhật theo chu kỳ rà soát, cập nhật, đánh giá chương trình đào tạo.

Điều 3. Trưởng các đơn vị: Phòng Đào tạo, Khoa Kinh tế & Quản lý và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐT, Anhlv (02).

Q. HIỆU TRƯỞNG



Đinh Văn Châu

Phụ lục
BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
Mã ngành 7810103

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1326/QĐ-ĐHDL ngày 21 tháng 8 năm 2023
của Trường Đại học Điện lực)

1. Thông tin về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo:

Tên tiếng Việt:	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
Tên tiếng Anh:	Tourism and Travel Management
Mã ngành đào tạo:	7810103
Trình độ đào tạo:	Đại học
Thời gian đào tạo:	04 năm
Tên văn bằng sau tốt nghiệp:	Bằng Cử nhân
Tên đơn vị cấp bằng:	Trường Đại học Điện lực

Nhà trường được công nhận kiểm định chất lượng theo Quyết định số 226/QĐ-KĐCL ngày 30 tháng 6 năm 2018 do Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Đại học Quốc gia Hà Nội cấp.

Thời điểm cập nhật bản mô tả: Năm học 2022 – 2023

2. Mục tiêu chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành đào tạo người học có những kiến thức toàn diện về dịch vụ du lịch lữ hành khách sạn; có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết chuyên sâu về ngành, kiến thức cơ bản về khoa học xã hội chính trị và pháp luật; có kỹ năng nhận thức liên quan đến phản biện, phân tích, tổng hợp; kỹ năng thực hành nghề nghiệp; khả năng giao tiếp hiệu quả, khả năng học tập suốt đời; có tư duy độc lập có khả năng sáng tạo thích nghi môi trường làm việc; có đạo đức nghề nghiệp và ý thức phục vụ cộng đồng, hội nhập quốc tế. Có năng lực tự chủ và trách nhiệm, có khả năng sáng tạo, thích nghi môi trường làm việc độc lập và theo nhóm.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Người học có khả năng áp dụng kiến thức chuyên môn toàn diện, khả năng ứng dụng và đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành
- Người học có khả năng lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, giải quyết các vấn đề chuyên môn và khả năng học tập suốt đời, thích nghi trong môi trường làm việc khác nhau trong lĩnh vực kinh doanh du lịch lữ hành
- Người học có đạo đức và trách nhiệm trong công việc, có thái độ tích cực và ý thức phục vụ cộng đồng.

3. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

3.1. Chuẩn đầu ra

PLOs	Nội dung chuẩn đầu ra
Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, sinh viên tốt nghiệp có khả năng:	
<i>Về kiến thức</i>	
PLO1	Vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, pháp luật, khoa học tự nhiên; kiến thức về công nghệ thông tin; về khoa học xã hội; sử dụng ngoại ngữ để xác định, xây dựng và giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực du lịch lữ hành khách sạn
PLO2	Đánh giá được kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành, kiến thức chuyên ngành và các công cụ hiện đại của lĩnh vực quản trị dịch vụ du lịch, lữ hành, khách sạn để giải quyết các vấn đề liên quan đến công việc của ngành
<i>Về kỹ năng</i>	
PLO3	Thể hiện tư duy phân biện, tư duy hệ thống, đổi mới sáng tạo, tinh thần khởi nghiệp, tổ chức và quản lý vận hành doanh nghiệp
PLO4	Tổ chức làm việc nhóm và sử dụng kỹ năng giao tiếp hiệu quả
PLO5	Vận dụng năng lực công nghệ thông tin trong công tác vận hành và quản lý ngành dịch vụ du lịch.
<i>Về mức tự chủ và trách nhiệm:</i>	
PLO6	Nhận thức và đưa ra nhận định, đánh giá chuyên môn trên cơ sở xem xét đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp và bối cảnh toàn cầu, môi trường, kinh tế và xã hội đương đại; có ý thức học tập suốt đời.

3.2. Chỉ báo cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

PLOs	PI	Nội dung chỉ báo	Trọng số (%)
PLO1	PI1.1	Vận dụng được những kiến thức cơ bản trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành	40
	PI1.2	Vận dụng các kiến thức về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật trong hoạt động du lịch	60
PLO2	PI2.1	Vận dụng được các quy định, nguyên tắc và các quy định của pháp luật trong hoạt động du lịch	20
	PI2.2	Vận dụng những kiến thức nền tảng về ngành du lịch trong quản lý, điều hành và tổ chức doanh nghiệp	20
	PI2.3	Vận dụng được những kiến thức để lập kế hoạch, tổ chức và giám sát trong kinh doanh du lịch và lữ hành	15
	PI2.4	Phân tích được những kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực du lịch để hoạch định chiến lược và lãnh đạo thực hiện đối với thị trường du lịch trong nước và quốc tế	15
	PI2.5	Áp dụng những kiến thức và kỹ năng chuyên sâu để làm việc tại các doanh nghiệp kinh doanh du lịch và khách sạn hòa nhập vào sự phát triển kinh tế của quốc gia và thế giới	30
PLO3	PI3.1	Kỹ năng thu thập, lưu giữ, xử lý thông tin nhằm giải quyết vấn đề trong thực hiện công việc	20
	PI3.2	Có kỹ năng phát hiện, lập luận, phân tích và giải quyết các vấn đề liên quan đến khách hàng, nhà cung cấp và đồng nghiệp trong lĩnh vực dịch vụ du lịch và lữ hành	50
	PI3.3	Có năng lực thể hiện ý tưởng, kế hoạch khởi tạo và tổ chức quản lý các hoạt động của doanh nghiệp.	30

PLOs	PI	Nội dung chỉ báo	Trọng số (%)
PLO4	PI4.1	Có kỹ năng quản lý, tổ chức, hướng dẫn người khác thực hiện công việc và đánh giá kết quả thực hiện công việc trong lĩnh vực du lịch	40
	PI4.2	Có khả năng trình bày, truyền tải thông tin tới nhóm, lãnh đạo đơn vị, có khả năng phổ biến kiến thức, kỹ năng trong thực hiện công việc du lịch lữ hành	30
	PI4.3	Sử dụng được tiếng Anh để giao tiếp và khai thác tài liệu trong công việc khi cần thiết.	30
PLO5	PI5.1	Vận dụng về công nghệ thông tin và chuyển đổi số, phần mềm ứng dụng đáp ứng yêu cầu công việc quản lý và vận hành tại doanh nghiệp	35
	PI5.2	Vận dụng năng lực phân tích đưa ra các quyết định phù hợp để sử dụng và điều phối các nguồn nhân lực nhằm đạt mục tiêu kinh doanh của doanh nghiệp	65
PLO6	PI6.1	Có đủ khả năng làm việc chủ động, độc lập, tự định hướng hoạt động chuyên môn; đủ năng lực tự chịu trách nhiệm với kết quả công việc; làm việc với tinh thần phục vụ cộng đồng, cơ quan đoàn thể	30
	PI6.2	Đủ năng lực đánh giá chuyên môn về các nội dung liên quan tới nhiệm vụ trên cơ sở đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp trong mối quan hệ công việc và môi trường làm việc toàn cầu	35
	PI6.3	Có được ý thức và năng lực dẫn dắt chuyên môn, hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ của tổ chức đảm bảo chất lượng hiệu quả các nguồn lực, đổi mới sáng tạo trong công việc	35

4. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp

Chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành trang bị cho sinh viên tốt nghiệp có năng lực để đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường lao động, sau khi ra trường sinh viên có thể làm việc tại các bộ phận doanh nghiệp như sau:

- **Nhóm 1:** Tự kinh doanh: Có khả năng tổ chức và quản lý (khởi nghiệp 01 dự án kinh doanh) một doanh nghiệp kinh doanh du lịch, lữ hành, khách sạn.

- **Nhóm 2:** Nhân viên kinh doanh, phát triển các dịch vụ các khách sạn, resort, khu du lịch, nghỉ dưỡng. Nhân viên thực hiện các chương trình phát triển du lịch, hướng dẫn viên du lịch trong các doanh nghiệp, công ty du lịch, lữ hành; nhân viên tổ chức tiệc, sự kiện trong các công ty tổ chức sự kiện, truyền thông về du lịch, khu vui chơi, giải trí;

- **Nhóm 3:** Tổ trưởng (khi có kinh nghiệm) bộ phận, quản lý bộ phận lập kế hoạch, điều phối nhân sự như tại các bộ phận như hướng dẫn tour, lễ tân, phục vụ, bếp, buồng, hành chính trong các doanh nghiệp kinh doanh du lịch lữ hành, khách sạn.

- **Nhóm 4:** Vị trí trưởng phòng (khi có kinh nghiệm) quản lý bộ phận như: Trưởng phòng kinh doanh, trưởng phòng sales, trưởng phòng Marketing,...

- **Nhóm 5:** Nghiên cứu viên thuộc lĩnh vực quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

ở các viện nghiên cứu, các trung tâm, các cơ quan nghiên cứu của các bộ, ngành, các trường đại học và cao đẳng. Giáo viên giảng dạy các môn học quản trị dịch vụ du lịch và khách sạn tại các trường cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề.

Sinh viên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành có khả năng chuyển đổi để làm các công việc khác trong các doanh nghiệp và tổ chức khác.

5. Khả năng phát triển và nâng cao trình độ

Người học sau khi tốt nghiệp trình độ đại học ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành có khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu khoa học ở bậc sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ) của các ngành, lĩnh vực theo qui định hiện hành tại các cơ sở đào tạo trong nước và quốc tế. Tham gia các khóa học bồi dưỡng nâng cao và trình độ.

6. Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo

- Thí sinh đã tốt nghiệp chương trình trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam (hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên);

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;

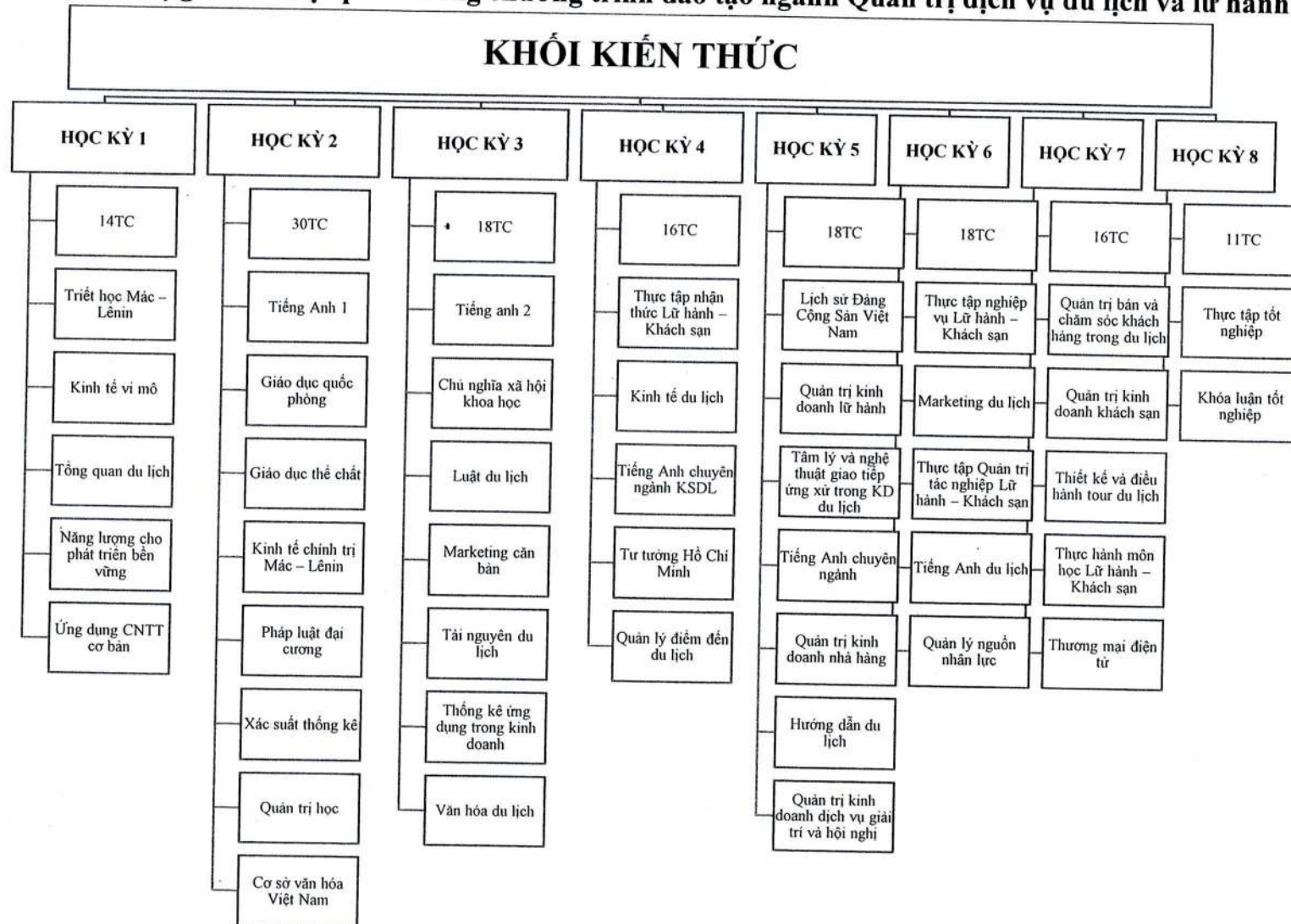
- Đáp ứng các điều kiện khác của Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Không vi phạm pháp luật; không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

7. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành gồm 126 tín chỉ (Không bao gồm khối lượng Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng – An ninh)

8. Sơ đồ về mối liên hệ giữa các học phần trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành



9. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được chuẩn đầu ra của chương trình

(Mỗi chuẩn đầu ra được đánh số thứ tự từ 1 đến n. Mức độ đóng góp được mã hóa theo 3 mức đánh giá: Mức 1: Thấp; Mức 2: Trung bình; Mức 3: Cao)

TT	Nội dung kiến thức/tên học phần	Mã HP	TC	CHUẨN ĐẦU RA (PLO)					
				1	2	3	4	5	6
I	Kiến thức giáo dục đại cương		39						
1	Toán và các môn KH cơ bản								
1.1	Xác suất thống kê	003657	2	1					
1.2	Cơ sở văn hóa Việt Nam	004546	3	1	1				
1.3	Năng lượng cho phát triển bền vững	004552	2	1					
1.4	Quản trị học	002244	3		2		2		2
2	Khoa học chính trị, pháp luật và khoa học xã hội								
2.1	Triết học Mác - Lênin	003923	3	1					2
2.2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	003925	2	1					1
2.3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	003926	2	1					1
2.4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	003505	2	2					2
2.5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	003928	2	2					1
2.6	Pháp luật đại cương	002018	2	1	2				2
3	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	004547	3	2				3	
4	Ngoại ngữ cơ bản								
4.1	Tiếng Anh 1	003137	4	1			3		1
4.2	Tiếng Anh 2	004549	4	1			3		1
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp								
1	Kiến thức cơ sở ngành								
1.1	Kinh tế vi mô	001216	3	2	2				2
1.2	Thông kê ứng dụng trong kinh doanh	004557	3	3				3	2
1.3	Tổng quan du lịch	003406	2	2	2	1			
1.4	Văn hóa du lịch	004558	2	2	2	2	2		3
1.5	Marketing căn bản	001671	2		2	1	2		
1.6	Tài nguyên du lịch	002355	3		2	2	2		
1.7	Tâm lý và nghệ thuật giao tiếp ứng xử trong kinh doanh du lịch	004878	3	2	2		2		2
1.8	Tiếng Anh du lịch	000825	3	1	2	2	2		2
1.9	Thực tập nhận thức Lễ hành - Khách sạn	004667	5		3	3	3	3	3
2.0	Thực tập nghiệp vụ lễ hành - khách sạn	004337	5		3	3	3	3	3
2.	Kiến thức cơ sở ngành tự chọn								
2.1	Quản lý tài chính	002208	3	1	2	2	2	1	1
2.2	Hành vi người tiêu dùng	003885	3	1	2		2		2
2.3	Phương pháp nghiên cứu khoa học	002059	2	3	3	3	3	3	3

TT	Nội dung kiến thức/tên học phần	Mã HP	TC	CHUẨN ĐẦU RA (PLO)					
				1	2	3	4	5	6
2.4	Thương mại điện tử	003105	2	2	1	1	1	2	1
2.5	Nguyên lý kế toán	001838	3	1	1			2	2
2.6	Thông kê ứng dụng trong kinh doanh	004557	3	3				2	2
3.	Kiến thức ngành								
3.1	Quản lý nguồn nhân lực	002168	2	3	2			3	
3.2	Tiếng Anh chuyên ngành	003176	3		3	3	3	3	
3.3	Luật du lịch	001499	2	1	3		3		3
3.4	Kinh tế du lịch	004875	3	1	2	3	3		3
3.5	Quản lý điểm đến du lịch	004334	3		3	3	3	3	3
3.6	Quản trị bán và chăm sóc khách hàng trong du lịch	004341	3		3	3	3		3
3.7	Hướng dẫn du lịch	00997	3		3	3	3	3	3
3.9	Thực hành môn học Lễ hành - Khách sạn	004668	5			3	3	3	3
4.0	Thực tập Quản trị tác nghiệp Lễ hành - Khách sạn	004339	5			3	3	3	3
4	Kiến thức chuyên ngành								
4.1	Tiếng Anh chuyên ngành KSDL	003217	3		3	3	3		3
4.2	Quản trị kinh doanh lễ hành	002256	3		3	3	3	3	3
4.3	Quản trị kinh doanh nhà hàng	004859	2		3	3	3	3	3
4.4	Marketing du lịch	004876	2		3	2	3	2	3
4.5	Thiết kế và điều hành tour du lịch	004669	3		3	3	3	3	3
4.6	Quản trị kinh doanh khách sạn	002252	3		3	3	3	3	3
4.7	Quản trị kinh doanh dịch vụ giải trí và hội nghị	002247	3		3		2		3
5	Thực tập tốt nghiệp	004575	4		3	3	3	3	3
6	Khóa luận tốt nghiệp	004594	7		3	3	3	3	3
	Tổng		126						

10. Tổ chức giảng dạy; Đánh giá kết quả học tập và cấp bằng tốt nghiệp

Thực hiện theo quy chế đào tạo trình độ đại học hiện hành.

11. Cấu trúc chương trình đào tạo

Cấu trúc của chương trình đảm bảo sự sắp xếp hợp lý, cân bằng ở từng học kỳ của năm học và từng khối kiến thức. Chương trình bố trí các môn học từ cơ bản đến nâng cao nhằm đảm bảo kiến thức được liên tục, mức độ tăng dần và đủ thời gian tích lũy kiến thức, rèn luyện kỹ năng, đạo đức, thái độ cần thiết để làm việc. Đồng thời chương trình cũng được thiết kế bảo đảm tính chuyên sâu cho từng lĩnh vực chuyên ngành và có khả năng mở rộng cho nhiều chuyên ngành khác nhau.

Nội dung chương trình bao gồm các khối kiến thức giáo dục đại cương, cơ sở ngành, chuyên ngành, tốt nghiệp có mức độ tăng dần được giảng dạy trong các môn học, đồng thời giúp người học nâng cao thêm các kỹ năng mềm, kỹ năng tin học, ngoại ngữ,

... rèn luyện được tác phong, kỷ luật, an toàn lao động khi làm việc. Chương trình cũng đảm bảo tính linh hoạt giúp người học có thể chuyển đổi sang các ngành học khác ở năm thứ nhất, năm thứ hai hoặc học cùng lúc nhiều chương trình.

STT	Nội dung kiến thức	Số học phần	Số TC	Tỷ lệ %
I	Kiến thức giáo dục đại cương	13	34	27%
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		85	68%
1	Kiến thức cơ sở ngành	11	31	25%
1.1	Các học phần lý thuyết, hỗn hợp	9	21	
1.1.1	Bắt buộc	7	16	
1.1.2	Tự chọn	2	5	
1.2	Các học phần thực hành, thực tập.	2	10	
1.2.1	Bắt buộc	2	10	
1.2.2	Tự chọn	0	0	
2	Kiến thức ngành	9	31	25%
2.1	Các học phần lý thuyết, hỗn hợp			
2.1.1	Bắt buộc	7	21	
2.1.2	Tự chọn	0	0	
2.2	Các học phần thực hành, thực tập.	2	10	
2.2.1	Bắt buộc	2	10	
2.2.2	Tự chọn	0	0	
3	Kiến thức chuyên ngành	7	19	15%
3.1	Các học phần lý thuyết, hỗn hợp	7	19	
3.1.1	Bắt buộc	7	19	
3.1.2	Tự chọn	0	0	
3.2	Các học phần thực hành, thực tập.	0	0	
3.2.1	Bắt buộc	0	0	
3.2.2	Tự chọn	0	0	
4	Kiến thức chuyên sâu đặc thù	0	0	
5	Thực tập tốt nghiệp	1	4	3%
III	Khóa luận tốt nghiệp	1	7	6%
	Cộng	42	126	100%

12. Kế hoạch đào tạo dự kiến theo từng học kỳ

TT	Học kỳ	Mã MH	Tên môn học	TC	LT	TH	MH tiên quyết	Khối kiến thức	Hình thức thi	Quy ước điểm	Khoa quản lý
1	1	003923	Triết học Mác Lênin	3	45	0		GDĐC	Tiểu luận	2	GDCT
2	1	004552	Năng lượng cho phát triển bền vững	2	30	0		GDĐC	BCCD	1	CNNL
3	1	004547	Ứng dụng CNTT cơ bản	3	39	12		GDĐC	TN	2	CNTT
4	1	001216	Kinh tế vi mô	3	45	0		CSN	TN	2	KT&QL
5	1	003406	Tổng quan du lịch	2	30	0		CSN	Tự luận	1	KT&QL
6	2	003925	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	30	0		GDĐC	Tiểu luận	1	GDCT
7	2	002018	Pháp luật đại cương	2	30	0		GDĐC	TN	1	GDCT
8	2	003137	Tiếng Anh 1	4	60	0		GDĐC	Tự luận	2	NN
9	2	003657	Xác suất thống kê	2	30	0		GDĐC	Tự luận	1	KHTN
10	2	004546	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	45	0		GDĐC	Tự luận	2	KT&QL
11	2	002244	Quản trị học	3	45			GDĐC	TN	2	KT&QL
12	2	000801	Giáo dục thể chất	4	60			GDĐC	TH	2	GDTC&
13	2	000785	Giáo dục quốc phòng	11	165			GDĐC	TH	0	QPAN
14	3	003926	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2	30	0		GDĐC	Tiểu luận	1	GDCT
15	3	003144	Tiếng Anh 2	4	60	0		GDĐC	TN	2	NN
16	3	004557	Thống kê ứng dụng trong kinh doanh	3	30	30	003657	CSN	BCCD/Tự luận	2	KT&QL
17	3	004558	Văn hóa du lịch	2	30	0	004546	CSN	Tự luận	1	KT&QL
18	3	001671	Marketing căn bản	2	30	0		CSN	TN	1	KT&QL
19	3	002355	Tài nguyên du lịch	3	45			CSN	TN	2	KT&QL
20	3	001499	Luật du lịch	2	30		001506	Ngành	Tự luận	1	KT&QL
21	4	003505	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0		GDĐC	Tiểu luận	1	GDCT
22	4	004667	Thực tập nhận thức Lễ hành – Khách sạn	5	0	150		CSN	BCCD	0	KT&QL
23	4	004875	Kinh tế du lịch	3	45			Ngành	Tự luận	2	KT&QL
24	4	004877	Quản lý điểm đến du lịch	3	45		004335	Ngành	Tự luận	2	KT&QL
25	4	003217	Tiếng anh chuyên ngành KSDL	3	45		003137	CN	Tự luận	2	KT&QL
26	5	003928	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30	0		GDĐC	Tiểu luận	1	GDCT

TT	Học kỳ	Mã MH	Tên môn học	TC	LT	TH	MH tiên quyết	Khối kiến thức	Hình thức thi	Quy ước điểm	Khoa quản lý
27	5	004878	Tâm lý và nghệ thuật giao tiếp ứng xử trong KD du lịch	3	45		004333	CSN	TN	2	KT&QL
28	5	000997	Hướng dẫn du lịch	3	45		004335; 004550	Ngành	Tự luận	2	KT&QL
29	5	003176	Tiếng anh chuyên ngành	3	45		003137 003144	Ngành	Tự luận	2	KT&QL
30	5	002256	Quản trị kinh doanh lễ hành	3	45			CN	Tự luận	2	KT&QL
31	5	002247	Quản trị kinh doanh dịch vụ giải trí và hội nghị	3	45		002244	CN	Tự luận	2	KT&QL
32	5	004859	Quản trị kinh doanh nhà hàng	2	30		002244	CN	Tự luận	1	KT&QL
33	6	004337	Thực tập nghiệp vụ Lễ hành – Khách sạn	5	0	150		CSN	BCCD	0	KT&QL
34	6	000825	Tiếng Anh du lịch	3	45		003137	CSN	Tự luận	2	KT&QL
35	6	004339	Thực tập Quản trị tác nghiệp Lễ hành - Khách sạn	5	0	150		Ngành	BCCD	0	KT&QL
36	6	002168	Quản lý nhân lực	2	30		002244	Ngành	TN	1	KT&QL
37	6	004876	Marketing du lịch	2	30		001671	CN	Tự luận	1	KT&QL
38	7	004341	Quản trị bán và chăm sóc khách hàng trong du lịch	3	45		002671	Ngành	Tự luận	2	KT&QL
39	7	004668	Thực hành môn học Lễ hành – Khách sạn	5	0	150		Ngành	BCCD	0	KT&QL
40	7	003105	Thương mại điện tử	2	30		002244 001671	NTC	TN	1	KT&QL
41	7	002252	Quản trị kinh doanh khách sạn	3	45		002244	CN	Tự luận	2	KT&QL
42	7	004669	Thiết kế và điều hành tour du lịch	3	30	30		CN	Tiểu luận	2	KT&QL
43	8	004575	Thực tập tốt nghiệp	4	0	120		CN	BCCD	0	KT&QL
44	8	004594	Khóa luận tốt nghiệp	7	0	210	004594	ĐA/KLTN	BCCD	0	KT&QL
45	0	002208	Quản lý tài chính	3	30			NTC	TN	2	KT&QL
46	0	003885	Hành vi người tiêu dùng	3	30	30	002244 001671	NTC	Tự luận	2	KT&QL
47	0	002059	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30			NTC	Tự luận	1	KT&QL
48	0	001838	Nguyên lý kế toán	3	45			NTC	TN	2	KT&QL

13. Mô tả tóm tắt các học phần

13.1. Triết học Mác Lênin

Mã môn học: 003923

TC: 3TC

Học phần gồm 3 chương cung cấp những kiến thức nền tảng của Triết học Mác - Lênin, bao gồm:

- Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội.

- Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Từ đó, giúp sinh viên có tư duy logic, phương pháp luận khoa học và cách mạng vận dụng một cách chủ động, sáng tạo kiến thức đã học để giải quyết các tình huống, vấn đề nảy sinh trong thực tiễn.

13.2. Kinh tế Chính trị Mác Lênin

Mã môn học: 003925

TC: 2TC

Học phần Kinh tế chính trị Mác – Lênin cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về sự hình thành và phát triển của Kinh tế chính trị Mác – Lênin, về kinh tế hàng hoá, thị trường và nền kinh tế thị trường cũng như các quy luật kinh tế cơ bản trong nền kinh tế thị trường, học thuyết về giá trị thặng dư của C Mác, về quan hệ giữa cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, vấn đề công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam hiện nay. Từ đó người học vận dụng những vấn đề có tính quy luật của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong hoạt động nhận thức và thực tiễn, hình thành ở người học niềm tin và ý thức tuân thủ theo chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước, xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.

13.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

Mã môn học: 003926

TC: 2TC

Học phần gồm 7 chương: chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của Chủ nghĩa xã hội khoa học; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học theo mục tiêu học phần.

13.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Mã môn học: 003505

TC: 2TC

Tư tưởng Hồ Chí Minh là môn học thuộc lĩnh vực Khoa học chính trị, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và cần thiết về chính trị - xã hội, văn hóa thời đại Hồ Chí Minh sống và thực hành đạo đức cách mạng. Từ đó, vận dụng vào xây dựng xã hội mới, con người mới văn minh, tiến bộ. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng ta (1991) đã ghi vào Cương lĩnh và Điều lệ của mình: “Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động”. Do đó, học môn Tư tưởng Hồ Chí Minh các bạn có một nền tảng vững chắc cho tư duy lý luận đúng đắn, có một phương pháp luận cách mạng, khoa học để sinh viên học tập tốt các môn chuyên ngành cũng như sau này trong quá trình công tác của bản thân.

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh gồm 6 chương, cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản và nhà nước Việt Nam; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức, con người.

13.5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam

Mã môn học: 00392

TC: 2TC

- Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là 1 trong 5 môn Lý luận chính trị được giảng dạy trong hệ thống giáo dục đại học ở Việt Nam. Đây là học phần bắt buộc sinh viên phải tích lũy kiến thức.

- Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là một chuyên ngành, một bộ phận của khoa học lịch sử. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là cả một pho lịch sử bằng vàng”. Đó chính là tính khoa học, cách mạng, giá trị thực tiễn sâu sắc trong Cương lĩnh, đường lối của Đảng; là sự lãnh đạo đúng đắn, đáp ứng kịp thời những yêu cầu, nhiệm vụ do lịch sử đặt ra; những kinh nghiệm, bài học có tính quy luật, lý luận của cách mạng Việt Nam và những truyền thống vẻ vang của Đảng.

- Nghiên cứu, học tập lịch sử Đảng không chỉ nắm vững những sự kiện, cột mốc lịch sử mà cần thấu hiểu những vấn đề phong phú đó trong quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, cách mạng xã hội chủ nghĩa, từ đó vận dụng, phát triển trong thời kỳ đổi mới toàn diện, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế hiện nay.

13.6. Pháp luật đại cương

Mã môn học: 002018

TC: 2TC

Học phần này được thiết kế giảng dạy cho sinh viên không chuyên ngành Luật. Bao gồm những nội dung cơ bản sau đây:

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật làm cơ sở cho việc học tập, nghiên cứu môn học khác.

- Phổ biến những quy định của pháp luật thực định trong một số lĩnh vực như: hiến pháp, hình sự, dân sự, hành chính, phòng chống tham nhũng...

13.7. Tiếng Anh 1

Mã môn học: 003137

TC: 4TC

Học phần Tiếng Anh 1 là học phần chính thức đầu tiên trong chương trình đào tạo Tiếng Anh hướng tới chuẩn đầu ra tương đương bậc 3/6 (đã được quy định theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/1/2014 của Bộ GD-ĐT ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) của trường Đại học Điện lực. Học phần cung cấp các kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ về các chủ đề quen thuộc trong đời sống, công việc, học tập hàng ngày như giao tiếp hàng ngày, mua sắm, du lịch, công sở, trải nghiệm sống... giúp người học có thể xử lý hầu hết các tình huống phát sinh khi đến khu vực nói Tiếng Anh với điều kiện người nói sử dụng ngôn ngữ rõ ràng, chuẩn xác. Kết thúc học phần, người học có năng lực tiếp tục học phần Tiếng Anh.2.

13.8. Tiếng Anh 2

Mã môn học: 003144

TC: 3TC

Học phần Tiếng Anh 2 là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cho sinh viên chính quy Đại học Điện lực nhằm giúp sinh viên đạt được chuẩn đầu ra trình độ tương đương bậc 3/6 (KNLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam đã được quy định theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/1/2014 của Bộ GD-ĐT) gồm 15 nội dung. Mỗi nội dung bao gồm: ngữ pháp, ngữ âm và các nội dung thực hành toàn diện 4 Ngữ dụng, nói, đọc, viết thông qua các bài học đa dạng về chủ đề và loại hình bài tập.

13.9. Xác suất và thống kê

Mã môn học: 003657

TC: 2TC

Học phần được chia làm hai phần:

Phần Lý thuyết xác suất: trình bày những kiến thức cơ bản về lý thuyết xác suất bao gồm các công thức tính xác suất, biến ngẫu nhiên, các đặc trưng của biến ngẫu nhiên và quy luật phân phối của biến ngẫu nhiên, từ đó hiểu được tính quy luật của các hiện tượng ngẫu nhiên. Áp dụng giải các bài toán ứng dụng trong kinh tế, kỹ thuật và thực tế.

Phần Thống kê toán: sử dụng các công cụ toán cao cấp và lý thuyết xác suất để nghiên cứu những kiến thức cơ bản về thống kê bao gồm cơ sở lý thuyết về điều tra chọn mẫu, các phương pháp ước lượng tham số và bài toán kiểm định giả thuyết thống kê trong nghiên cứu các vấn đề kinh tế. Áp dụng giải các bài toán ứng dụng trong kinh tế, kỹ thuật và thực tế.

13.10. Cơ sở văn hóa Việt Nam

Mã môn học: 004546

TC: 3TC

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức tổng quát về văn hoá, từ đó có thể giúp người học có thể lý giải về các khía cạnh của văn hóa Việt Nam như: mối quan hệ giữa con người với môi trường tự nhiên, môi trường xã hội Việt Nam với văn hóa; những đặc trưng chung của quá trình giao lưu tiếp xúc văn hóa ở Việt Nam và những nét nổi bật của quá trình giao lưu tiếp xúc giữa văn hóa Việt Nam với Trung Hoa, Ấn Độ, phương Tây. Đồng thời, bước đầu định hướng nhận thức về sự phát triển của nền văn hóa Việt Nam hiện đại trên cơ sở giữ gìn, phát huy những giá trị truyền thống và hội nhập, tiếp thu những giá trị văn hóa mới.

13.11. Năng lượng cho phát triển bền vững

Mã môn học: 004552

TC: 2TC

Học phần gồm các nội dung: Các chính sách phát triển năng lượng, xu hướng chuyển dịch năng lượng trên thế giới và Việt Nam; các khái niệm cơ bản về hệ thống năng lượng; nhu cầu sử dụng năng lượng; các cơ quan quản lý năng lượng Việt Nam; Cấu trúc hệ thống điện Việt Nam; sơ đồ quản trị các nhà máy điện, công nghệ sản xuất điện và các phương pháp lưu trữ điện năng; khái niệm về biến đổi khí hậu và phát triển năng lượng bền vững bảo vệ môi trường.

13.12. Ứng dụng CNTT cơ bản

Mã môn học: 004547

TC: 3TC

Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản là một học phần mang tính ứng dụng, nội dung học phần được xây dựng theo các các mô đun quy định tại Khoản 1 Điều 2 về “Chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản” của Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ thông tin và truyền thông.

13.13. Quản trị học

Mã môn học: 002244

TC: 3TC

Quản trị học là học phần chung được giảng dạy cho các khối ngành kinh tế, quản lý và khối ngành gần. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng về quản trị, các nội dung về nhà quản trị, môi trường quản trị, các tư tưởng quản trị và các lý thuyết liên quan đến bốn chức năng cơ bản của quản trị bao gồm: lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát. Đồng thời, học phần đề cập đến các nội dung căn bản trong việc ra quyết định, văn hóa tổ chức. Việc hiểu biết các nội dung trên cùng với nắm vững các nguyên lý cơ bản của bốn chức năng quản trị sẽ giúp người học vận dụng hiệu quả vào công việc liên quan tới quản trị trong tổ chức, doanh nghiệp.

13.14. Giáo dục thể chất

Mã môn học: 000801,000808,000813,000816 TC: 4TC

Thực hiện theo Quyết định số 1547/QĐ-ĐHĐL ngày 04/9/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Điện lực về Chương trình môn học giáo dục thể chất dùng cho hệ đại học. Chương trình cung cấp kiến thức, kỹ năng vận động cơ bản, hình thành thói quen luyện tập thể dục, thể thao để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tầm vóc, hoàn thiện nhân cách, nâng cao khả năng học tập, kỹ năng hoạt động xã hội cho sinh viên với tinh thần, thái độ tự giác, tích cực. Giúp người học nhận thức tầm quan trọng của việc rèn luyện thân thể và phát triển thể chất cho bản thân. Biết được một số nội dung cơ bản về lý luận và phương pháp thể dục thể thao, y học thể thao, sinh lý học vận động, kiến thức về phương pháp tập luyện, rèn luyện thể chất một số môn thể thao cơ bản.

13.15. Giáo dục quốc phòng

Mã MH: 000785, 000788, 000791, 003788 TC: 11TC

Thực hiện theo Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18/3/2020 của Bộ GD&ĐT về Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học. Chương trình cung cấp những kiến thức cơ bản về quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng và an ninh; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; bổ sung kiến thức về phòng thủ dân sự và kỹ năng quân sự; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an bảo vệ Tổ quốc. Nắm được kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh trong tình hình mới. Bước đầu làm quen với tác phong, nề nếp, các chế độ sinh hoạt, học tập trong môi trường quân đội, có ý thức tổ chức kỷ luật trong sinh hoạt tập thể, cộng đồng ở trường, lớp.

13.16. Thực tập nhận thức lễ hành – Khách sạn Mã MH:004667 TC: 5TC

Thực tập nhận thức khách sạn - lễ hành là học phần trong khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lễ hành. Nội dung thực tập là tập trung vào các chuyến tham quan thực tế tại khách sạn, doanh nghiệp lễ hành và đi đến để quan sát và trải nghiệm thực tế, nhận thức rõ về các thông tin chung về ngành như: các sản phẩm dịch vụ; các bộ phận nghiệp vụ; bộ phận chức năng; một số các chức danh nghề nghiệp; vị trí công việc cơ bản và các tiêu chí đánh giá ngành.

13.17. Kinh tế vi mô Mã môn học: 001216 TC: 3TC

Trang bị cho sinh viên kiến thức về những nguyên lý kinh tế trong phạm vi ngành kinh tế và các doanh nghiệp trong ngành đồng thời hiểu được vai trò của Chính phủ trong việc điều tiết kinh tế vi mô. Cụ thể bao gồm quy luật cung – cầu, lợi ích chi phối hành vi người tiêu dùng, quyết định của nhà sản xuất trên cơ sở nguồn lực, đặc thù của cấu trúc thị trường và quyết định của doanh nghiệp, quyết định về sử dụng nguồn nhân lực của doanh nghiệp, những thất bại của thị trường và vai trò của chính phủ

13.18. Thống kê ứng dụng trong kinh doanh Mã MH: 004557 TC: 3TC

Thống kê ứng dụng trong kinh doanh là học phần chung được giảng dạy cho sinh viên các khối ngành kinh tế, quản lý. Học phần là môn học định lượng quan trọng, trang

bị cho sinh viên các kiến thức nền tảng về điều tra, tổng hợp, phân tích và dự đoán thống kê. Kiến thức của môn học được vận dụng cho nhiều môn học đi sau của nhiều ngành nghề khác nhau, đặc biệt trong lĩnh vực kinh doanh.

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về thu thập, tổng hợp, trình bày dữ liệu thống kê liên quan đến các vấn đề trong kinh doanh; trình bày các phương pháp, các kỹ năng tính toán, phân tích, dự báo, suy diễn từ số liệu, dữ liệu thu thập được.

13.19. Tổng quan du lịch

Mã môn học: 003406

TC: 2TC

Học phần cung cấp những khái niệm chung về du lịch, các phạm trù liên quan tới du lịch và yếu tố cấu thành có mối liên hệ bên trong cũng như bên ngoài hệ thống du lịch. Cung cấp những liên hệ thực tiễn về hoạt động du lịch ở Việt Nam.

Học phần cung cấp những kiến thức chung về du lịch giúp người học hiểu tổng quát về du lịch, các thành phần kinh tế trong du lịch và phương hướng phát triển du lịch của các quốc gia trên thế giới. Cụ thể các vấn đề cơ bản về du lịch như: lịch sử hình thành, phát triển du lịch và các lĩnh vực kinh doanh du lịch, các yếu tố ảnh hưởng tới chất lượng dịch vụ trong kinh doanh du lịch, các tổ chức du lịch và các tác động của du lịch.

Nội dung học phần Tổng quan du lịch bao gồm các vấn đề liên quan: thuật ngữ và các khái niệm. Lịch sử hình thành và phát triển ngành du lịch. Nhu cầu và đặc điểm của sản phẩm du lịch. Động cơ và phân loại hoạt động du lịch. Điều kiện để phát triển du lịch, mối quan hệ giữa du lịch và các vấn đề trong kinh tế - xã hội. Du lịch bền vững và tổ chức quản lý du lịch.

13.20. Văn hóa du lịch

Mã môn học: 004558

TC: 2TC

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về nghiên cứu, khai thác các giá trị văn hóa để phát triển du lịch. Nghiên cứu, đánh giá những tiềm năng văn hóa của từng địa phương, khu vực; cách thức khai thác những tiềm năng đó để phát triển du lịch. Chỉ ra những biểu hiện của văn hóa trong hoạt động du lịch, cách thức khai thác đưa những giá trị văn hóa truyền thống và đương đại vào quá trình kinh doanh du lịch tương ứng với những lĩnh vực khác nhau trong hoạt động du lịch.

13.21. Marketing căn bản

Mã môn học: 001671

TC: 2TC

Học phần giới thiệu cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về marketing, vai trò của marketing trong tổ chức, những nội dung cơ bản của marketing như hệ thống thông tin Marketing, nghiên cứu marketing và môi trường marketing. Từ đó, người học sẽ được giới thiệu các kiến thức và kỹ năng đặc thù của marketing để tiếp cận với khách hàng - thị trường, phân đoạn thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu, định vị. Sau cùng học phần sẽ tập trung giới thiệu 4 công cụ marketing điển hình trong lĩnh vực kinh doanh sản phẩm để triển khai chiến lược, kế hoạch marketing, đó là: Sản phẩm; Giá cả; Kênh phân phối và Truyền thông marketing nhằm đáp ứng yêu cầu kinh doanh có hiệu quả của doanh nghiệp trong việc thực hiện các công việc liên quan hoạt động Marketing.

13.22. Tài nguyên du lịch

Mã môn học: 004335

TC: 3TC

Tài nguyên du lịch đóng một vai trò đặc biệt quan trọng có ảnh hưởng trực tiếp tới sự phát triển của du lịch. Tài nguyên du lịch là yếu tố cơ bản để hình thành các sản phẩm du lịch, là yếu tố cơ bản quyết định tới quy mô, số lượng, chất lượng sản phẩm du lịch

cũng như hiệu quả của hoạt động du lịch. Tài nguyên du lịch là cơ sở quan trọng để phát triển các loại hình du lịch, là mục đích chuyển đi của du khách và tạo những điều kiện thuận lợi để đáp ứng nhu cầu của họ trong chuyến đi. Tài nguyên du lịch là một bộ phận cấu thành quan trọng của tổ chức lãnh thổ du lịch.

Học phần này trang bị cho người học những nội dung cơ bản sau: khái quát về tài nguyên du lịch; tài nguyên du lịch tự nhiên; tài nguyên du lịch nhân văn; khai thác tài nguyên du lịch các vùng du lịch Việt Nam; đồng thời nêu cao trách nhiệm bảo vệ tôn tạo các nguồn tài nguyên đó nhằm phát triển kinh tế theo hướng bền vững tài nguyên du lịch

13.23. Thực tập nghiệp vụ lữ hành – khách sạn Mã môn học: 004337
TC: 5TC

Học phần Thực tập nghiệp vụ lữ hành - khách sạn trang bị cho sinh viên ngành dịch vụ du lịch và lữ hành các kỹ năng thực hiện nghiệp vụ trong quá trình thực tập thực tế tại doanh nghiệp. Các kỹ năng nghiệp vụ: nghiệp vụ hướng dẫn du lịch, nghiệp vụ trong kinh doanh khách sạn bao gồm các quy trình, tiêu chuẩn và các bước thực hiện công việc... Ngoài các kỹ năng nghiệp vụ thực hiện công việc còn có các kỹ năng về nghiệp vụ quản lý, giao tiếp và chăm sóc khách hàng, phân tích và xử lý tình huống thực hiện công việc...

Vận dụng những kiến thức chuyên ngành đã học áp dụng vào thực tế thông qua các nghiệp vụ được học và làm việc tại cơ sở doanh nghiệp thực tập.

13.24. Tâm lý và nghệ thuật giao tiếp ứng xử trong kinh doanh du lịch

Mã môn học: 004878

TC: 3TC

Học phần trang bị cho người học những nội dung cơ bản và có hệ thống về tâm lý giao tiếp trong du lịch; nhằm giúp sinh viên vận dụng các phương pháp tâm lý và tâm lý xã hội để tìm hiểu tâm lý xã hội của con người trong du lịch; có kỹ năng giao tiếp và ứng xử đối với khách du lịch; kỹ năng nhận biết và giải thích được một số hành vi trong ứng xử với khách du lịch.

13.25. Tiếng Anh du lịch

Mã môn học 000825

TC: 3TC

Học phần Tiếng Anh du lịch cung cấp cho người học từ vựng tiếng Anh chuyên ngành về du lịch, tập trung vào các mảng đề tài như các loại hình lưu trú, nhà hàng, ngôn ngữ thực hành hướng dẫn du khách, các phương tiện đi lại, các kỳ nghỉ và lễ hội. Sinh viên có thể học về các thuật ngữ chuyên ngành liên quan tới các chủ đề trên; từ đó, sinh viên có thể vận dụng kiến thức đã học được vào các tình huống giao tiếp căn bản. Bên cạnh đó, học phần Tiếng Anh du lịch sẽ trang bị cho người học một số phương pháp và kỹ năng thực hành giao tiếp tiếng Anh trong kinh doanh khách sạn, du lịch và lữ hành.... Sử dụng tiếng Anh để giao tiếp với du khách quốc tế hoặc giao tiếp trong một số trường hợp đặc biệt. Ngoài ra, người học cũng sẽ được định hướng để tự học, tự trau dồi khả năng ngoại ngữ tiếng Anh của mình để có thể thích ứng với điều kiện thực tế của môi trường làm việc ngành lữ hành.

13.26. Luật du lịch

Mã môn học: 001499

TC: 2TC

Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về pháp luật và quy định đặc thù có liên quan đến hoạt động kinh doanh du lịch, làm cơ sở để vận dụng trong hoạt

động kinh doanh du lịch. Người học cũng được trang bị cách thức thành lập, hoạt động và quản lý một doanh nghiệp du lịch, phát hiện được hành vi vi phạm pháp luật du lịch, thẩm quyền và hình thức xử lý, từ đó biết cách quản lý du lịch và hành xử trong du lịch đúng pháp luật.

Nội dung của học phần được chia thành 5 chương. Chương 1 cung cấp các khái niệm cơ bản về du lịch và luật du lịch Việt Nam. Chương 2 trình bày nội dung về quản lý nhà nước trong du lịch. Chương 3 trình bày các quy chế pháp lý đối với khách du lịch bao gồm các quy chế đối với khách du lịch nội địa và khách du lịch quốc tế. Chương 4 cung cấp các kiến thức về địa vị pháp lý của doanh nghiệp kinh doanh du lịch. Chương 5 trình bày các vấn đề chung về luật lao động Việt Nam và các quy định trong việc sử dụng lao động trong ngành du lịch.

13.27. Kinh tế du lịch

Mã môn học: 004333

TC: 3TC

Học phần cung cấp các tri thức cơ bản về khái niệm du lịch, khách du lịch, sản phẩm du lịch và tính đặc thù của nó; lịch sử hình thành, xu hướng phát triển và tác động KT - XH của du lịch. Khái quát về lịch sử hình thành và phát triển của du lịch thế giới; hệ thống hóa những xu hướng phát triển cơ bản của cầu và cung du lịch trên thế giới và phân tích các tác động về KT - XH của du lịch đối với một địa bàn phát triển du lịch (chủ yếu dưới góc độ một quốc gia).

Cung cấp những kiến thức cơ bản về: cầu du lịch, loại hình du lịch và các lĩnh vực kinh doanh du lịch; điều kiện để phát triển du lịch; tính thời vụ trong du lịch; lao động trong du lịch; cơ sở vật chất - kỹ thuật du lịch; chất lượng dịch vụ du lịch; hiệu quả KTDL; quy hoạch phát triển du lịch; tổ chức và quản lý ngành du lịch.

13.28. Quản lý điểm đến du lịch

Mã môn học:

TC: 3TC

Học phần “Quản lý điểm đến du lịch” là một học phần ngành bắt buộc đối với ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, cung cấp những kiến thức cơ bản về điểm đến du lịch và quản lý điểm đến du lịch, để từ đó người học có thể tiếp tục học tập, nghiên cứu các học phần chuyên sâu về quản trị dịch vụ, quản trị du lịch và lữ hành. Học phần sẽ trang bị những kiến thức chung về điểm đến du lịch, cũng như tổng quan về cách thức quản lý một điểm đến du lịch cụ thể. Bên cạnh đó, học phần cung cấp các phương pháp chung để nghiên cứu thực trạng, thiết lập tầm nhìn, sứ mệnh, mục tiêu và chiến lược phát triển một điểm đến du lịch; các phương pháp định vị thương hiệu và marketing cho điểm đến du lịch; và quan trọng hơn cả là đảm bảo chất lượng trải nghiệm của du khách tại điểm đến du lịch. Học phần “Quản lý điểm đến du lịch”, vì vậy, sẽ trang bị cho người học khả năng nhận thức, tự chủ tư duy và các kỹ năng cần thiết để quản lý và nâng cao chất lượng của điểm đến du lịch, kết quả là sẽ gia tăng được lòng trung thành của khách du lịch, đóng góp vào thành công chung của ngành dịch vụ du lịch và lữ hành.

13.29. Quản trị bán và dịch vụ chăm sóc khách hàng trong du lịch

Mã học phần: 004341

TC: 3TC

Quản trị bán và chăm sóc khách hàng trong du lịch cung cấp các khái niệm cơ bản, các nguyên tắc, phương pháp tổ chức ...trong hoạt động bán hàng, quản trị kênh

bán hàng và dịch vụ chăm sóc khách hàng; giới thiệu các cách tiếp cận về những vấn đề văn hóa, đạo đức kinh doanh hay quan điểm của nhà quản trị có liên quan đến các hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực du lịch.

13.30. Thực tập quản trị tác nghiệp Lữ hành – Khách sạn; Mã MH: 004339 TC: 5TC

Học phần thực tập quản trị tác nghiệp Lữ hành – khách sạn là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo đại học chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Học phần này sau khi kết thúc thực tập sinh viên nắm được các kiến thức thực tiễn về:

Doanh nghiệp lữ hành; thực hành quản trị nghiên cứu thị trường, xây dựng và tính giá chương trình du lịch; thực hành quản trị xúc tiến hỗn hợp và bán chương trình du lịch; thực hành quản trị tổ chức thực hiện chương trình du lịch; thực hành quản trị kinh doanh dịch vụ đại lý du lịch. Các bộ phận khách sạn như: lễ tân, buồng, chế biến món ăn, nhà hàng trong khách sạn hoặc cơ sở lưu trú tương tự.

13.31. Hướng dẫn du lịch Mã môn học: 000997 TC: 3TC

Môn học cung cấp cho người học kiến thức tổng quát về hướng dẫn du lịch và nghề hướng dẫn viên du lịch bao gồm các vấn đề sau: Du lịch và vị trí của hoạt động hướng dẫn du lịch; Những yêu cầu cơ bản đối với hướng dẫn viên du lịch; Những yếu tố tác động đến hoạt động hướng dẫn du lịch; Phương pháp hướng dẫn tham quan du lịch; Xử lý tình huống trong hướng dẫn du lịch, công tác tổ chức, kỹ năng xử lý tình huống trong các hoạt động du lịch, quản lý đoàn khách, ... Người học có thể áp dụng kiến thức vào thực tế để thực hiện nghiệp vụ hướng dẫn du lịch.

13.32. Tiếng Anh chuyên ngành Mã môn học: 003176 TC: 3TC

Học phần giúp người học trau dồi vốn ngoại ngữ thuộc lĩnh vực kinh tế, cụ thể hơn là quản trị kinh doanh. Vốn từ được trau dồi thông qua các bài đọc, các tình huống thực tế. Người học được rèn luyện kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, được yêu cầu trong nội dung của học phần, bên cạnh đó các tình huống cụ thể trong doanh nghiệp cũng được cung cấp để người học hiểu được các vấn đề cụ thể.

13.33. Quản lý nguồn nhân lực Mã môn học: 002168 TC: 2TC

Quản lý nguồn nhân lực là môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về khái niệm, vai trò, chức năng, thách thức và các hoạt động của quản lý nguồn nhân lực trong tổ chức như: tuyển dụng, tuyển chọn, bố trí sử dụng, đãi ngộ và duy trì nguồn nhân lực trong tổ chức... Học phần giúp người học có thể xây dựng kế hoạch nguồn nhân lực và ứng dụng hệ thống thông tin nguồn nhân lực trong quản lý nguồn nhân lực, từ đó nhận thức được những thách thức mới đặt ra trong công tác quản lý nguồn nhân lực hiện nay tại các doanh nghiệp.

13.34. Thực hành môn học lữ hành khách sạn Mã môn học: 004668 TC: 5TC

Học phần Thực hành môn học Lữ hành- Khách sạn là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo đại học chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Học phần Thực hành môn học Lữ hành- Khách sạn cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ thuật nghiệp vụ, kỹ năng thực hành mang tính chuyên sâu, được cập nhật mới nhất, bao gồm các kỹ năng trong các nghiệp vụ: lễ tân, buồng, tổ chức sự kiện, hướng dẫn du

lich, phát triển sản phẩm du lịch. Từ đó, sinh viên có thể được trang bị các kỹ năng nghiệp vụ, tổng hợp các kiến thức chuyên ngành và tích lũy kinh nghiệm thực tế để tự tin ứng tuyển, sẵn sàng làm việc ngay khi các đơn vị về ngành lựa chọn - khách sạn tuyển dụng. Sinh viên thực hành trực tiếp tại các đơn vị đối tác.

13.35. Quản lý tài chính

Mã môn học: 002208

TC: 3TC

Học phần Quản lý tài chính là học phần cơ sở cung cấp cho người học những kiến thức căn bản về quản lý tài chính trong doanh nghiệp: như giá trị của tiền, cách xác định giá trị của cổ phiếu trái phiếu, xác định chi phí sử dụng vốn dài hạn của doanh nghiệp và cách xác định dòng tiền của dự án đầu tư, từ đó xây dựng tính toán và thẩm định để đưa ra quyết định tài chính đúng đắn, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp và đảm bảo an toàn về mặt tài chính.

13.36. Hành vi người tiêu dùng

Mã môn học: 003885

TC: 3TC

Phần lớn những thành công về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp có liên quan đến những nỗ lực nhằm chiếm lĩnh những nhóm khách hàng mục tiêu trên cơ sở hiểu biết và thỏa mãn những nhu cầu và mong muốn của họ. Học phần Hành vi người tiêu dùng tập trung vào giới thiệu các lý thuyết khoa học về hành vi người tiêu dùng và vai trò của nghiên cứu hành vi người tiêu dùng, nghiên cứu những nhóm yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến hành vi người tiêu dùng trong quá trình mua sắm và sử dụng sản phẩm. Trên cơ sở đó thảo luận việc ứng dụng những hiểu biết hành vi người tiêu dùng vào quá trình ra quyết định về các chính sách và công cụ marketing trong thực tiễn.

13.37. Phương pháp nghiên cứu khoa học

Mã môn học : 002059

TC: 2TC

Nắm vững kiến thức bao gồm khái niệm nghiên cứu khoa học, các phương pháp nghiên cứu khoa học (Nghiên cứu mô tả, nghiên cứu giải pháp, nghiên cứu dự án, nghiên cứu và triển khai (R&D)), trình tự nghiên cứu khoa học bao gồm: Lựa chọn đề tài khoa học, hình thành luận văn khoa học (hình thành nghiên cứu khoa học), chứng minh luận điểm khoa học, trình bày luận điểm khoa học.

13.38. Thương mại điện tử

Mã môn học : 003105

TC: 2TC

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về thương mại điện tử, các mô hình kinh doanh trong thương mại điện tử, các quy trình kinh doanh, xác định các cơ hội của thương mại điện tử, bản chất quốc tế của thương mại điện tử, các rủi ro và cách phòng tránh rủi ro trong thương mại điện tử. Cung cấp các phương pháp tích hợp hoạch định thương mại điện tử trong kinh doanh, các chiến lược phát triển website trong thương mại điện tử, quản lý thực hiện dự án trong thương mại điện tử.

13.39. Nguyên lý kế toán

Mã môn học: 001838

TC 3TC

Học phần Nguyên lý kế toán là học phần cơ sở cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các nguyên lý kế toán chung, các nguyên tắc kế toán các phương pháp kế toán, hạch toán được các quá trình cơ bản: quá trình mua hàng, quá trình sản xuất, quá trình tiêu thụ; hiểu và vận dụng được cách lập chung về hai báo cáo tài chính cơ bản, hiểu các hình thức sổ kế toán và vận dụng trong công tác kế toán doanh nghiệp

13.40. Tiếng anh chuyên ngành KSDL

Mã môn học: 003217

TC: 3TC

Học phần Tiếng Anh chuyên ngành Khách sạn du lịch cung cấp cho người học vốn kiến thức cơ bản về tiếng Anh để có thể sử dụng trong kinh doanh khách sạn, du lịch, lữ hành. Học phần sẽ cung cấp lượng từ vựng phong phú trong các lĩnh vực kinh doanh khách sạn, nhà hàng, lưu trú, du lịch, lữ hành... cùng với đó là bổ trợ những kiến thức ngữ pháp cơ bản cần thiết để sử dụng trong các bối cảnh kể trên. Bên cạnh đó, học phần Tiếng Anh chuyên ngành Khách sạn du lịch sẽ trang bị cho người học một số phương pháp và kỹ năng thực hành giao tiếp tiếng Anh trong kinh doanh khách sạn, du lịch. Sử dụng tiếng Anh để giao tiếp với du khách quốc tế hoặc giao tiếp trong một số trường hợp đặc biệt. Ngoài ra, người học cũng sẽ được định hướng để tự học, tự trau dồi khả năng ngoại ngữ tiếng Anh của mình để có thể thích ứng với điều kiện thực tế của môi trường làm việc.

13.41. Quản trị kinh doanh lữ hành

Mã môn học: 002256

TC: 3TC

Nội dung môn học cung cấp cho người học các kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành bao gồm: Những vấn đề cơ bản về kinh doanh lữ hành, thiết kế và điều hành Tour, Marketing Du lịch, công nghệ lữ hành, hoạt động trung gian và mối quan hệ giữa lữ hành với các nhà cung cấp sản phẩm dịch vụ du lịch, xây dựng các chương trình du lịch trong nước trọn gói, tổ chức các hoạt động quảng cáo, bán và thực hiện các chương trình du lịch, quản lý chất lượng sản phẩm, dịch vụ của hãng lữ hành, chất lượng và chính sách kinh doanh của hãng lữ hành.

13.42. Marketing du lịch

Mã môn học: 004876

TC: 2TC

Môn học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản bao gồm: Tổng quan về marketing du lịch, nâng cao hiệu quả trong marketing dịch vụ du lịch, khác biệt hóa và định vị dịch vụ của doanh nghiệp du lịch, chất lượng dịch vụ du lịch, Marketing Mix dịch vụ du lịch, lập kế hoạch, tổ chức hoạt động kinh doanh dịch vụ trong doanh nghiệp du lịch. Đồng thời, giúp sinh viên có khả năng áp dụng các lý thuyết marketing vào ngành du lịch, định hướng và thích nghi, tổ chức vào những hoạt động marketing du lịch trong doanh nghiệp cũng như việc triển khai thực hiện marketing du lịch số

13.43. Quản trị kinh doanh khách sạn

Mã môn học: 002252

TC: 3TC

Học phần Quản trị kinh doanh khách sạn cung cấp các kiến thức căn bản về quản trị kinh doanh khách sạn gồm: tổ chức bộ máy khách sạn; quản trị nhân sự khách sạn; tổ chức kinh doanh lưu trú khách sạn; tổ chức hoạt động marketing khách sạn; quản trị chất lượng dịch vụ khách sạn quản trị tài chính khách sạn, học phần này là học phần chuyên ngành.

Quản lý và tổ chức các hoạt động của khách sạn sao cho hiệu quả và hợp lý nhất. Ngành này đặc biệt phù hợp với những bạn năng động, nhạy bén trong công việc, có khả năng quan sát nắm bắt tâm lý khách hàng, xử lý tình huống tốt trong những trường hợp khẩn cấp và đặc biệt phải có đam mê, nhiệt huyết trong công việc. Khi học quản trị kinh doanh khách sạn sinh viên sẽ được cung cấp đầy đủ kiến thức về nhà hàng khách sạn như quản lý hệ thống phòng, quản lý nhân viên, giao tiếp với khách hàng, chuẩn bị sự kiện, giải quyết rủi ro, am hiểu về đồ uống và các loại thực phẩm phổ biến tại khách

sạn. Hơn nữa bạn có hiểu biết sâu rộng về nhiều văn hóa khác nhau của nhiều vùng miền cũng như các quốc gia trên thế giới.

Học phần này tập trung làm rõ nội dung, bản chất, đặc điểm của hoạt động kinh doanh khách sạn; Chỉ ra mối liên hệ giữa loại hình kinh doanh này với các doanh nghiệp dịch vụ du lịch khác, với ngành du lịch và với nền kinh tế quốc dân; Học phần này nghiên cứu hoạt động của các quy luật khách quan và sự tác động của chúng đến từng yếu tố sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lưu trú và ăn uống trong lĩnh vực kinh doanh lưu trú du lịch; Đưa ra phương pháp luận cho hoạt động quản lý, và tổ chức sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu vào của hoạt động kinh doanh khách sạn. Qua đó, học phần Quản trị kinh doanh khách sạn sẽ giúp người học có thể tìm hiểu, phân tích, lý giải các tình huống thực tế đang diễn ra trong hoạt động kinh doanh khách sạn ở Việt nam và trên thế giới. Từ đó, giúp người học nhận thức sâu sắc hơn cơ sở lý luận và có khả năng vận dụng các kiến thức đã học vào thực tế.

13.44. Quản trị kinh doanh nhà hàng Mã môn học: 004859

TC: 2TC

Quản trị kinh doanh nhà hàng là học phần chuyên ngành được giảng dạy cho sinh viên các khối ngành Quản trị kinh doanh và kinh tế quản lý, chuyên ngành Quản trị du lịch, khách sạn. Học phần là môn học đóng vai trò quan trọng, trang bị cho sinh viên các kiến thức nền tảng về quản trị kinh doanh nhà hàng.

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cũng như kỹ năng có thể quản lý, điều hành, giải quyết tốt mọi vấn đề ở nhà hàng, chẳng hạn như: ẩm thực, hội nghị, nhân sự, tài chính... ở hiện tại và tương lai. Ngoài ra, học phần giúp người học làm rõ các vấn đề về nhu cầu của khách hàng khi tới nhà hàng, cách phân đoạn thị trường và lựa chọn thị trường mục tiêu, thiết kế nhà hàng và các phương thức xúc tiến thương mại, nâng cao chất lượng dịch vụ trong kinh doanh nhà hàng.

13.45. Thiết kế và điều hành tour

Mã môn học: 004669

TC: 3TC

Thiết kế và điều hành tour du lịch là học phần được giảng dạy cho sinh viên khối ngành Quản trị dịch vụ Du lịch và lữ hành. Học phần lên kế hoạch chi tiết cho các chuyến du lịch, tham quan nghỉ dưỡng. Từ việc di chuyển đi lại, đặt phòng khách sạn, đến ăn uống, vui chơi giải trí... nhằm đảm bảo mang đến cho du khách những trải nghiệm hoàn hảo, ấn tượng nhất. Học phần trang bị cho người học những nội dung cơ bản về nghiên cứu nhu cầu của khách du lịch, khảo sát điều kiện cung ứng, từ đó tổ chức và điều hành hoạt động của công ty du lịch; những kiến thức và kỹ năng về thiết kế và tổ chức Tour du lịch, phương pháp quảng cáo; tổ chức thiết kế định giá Tour, hoạt động marketing và bán Tour du lịch, công tác tổ chức thực hiện và những công việc của một nhân viên điều hành tour.

13.46. Quản trị kinh doanh dịch vụ giải trí và hội nghị Mã môn học: 00228 TC: 2TC

Quản trị kinh doanh dịch vụ giải trí và hội nghị là học phần chuyên ngành được giảng dạy cho sinh viên các khối ngành Quản trị kinh doanh và kinh tế quản lý, chuyên ngành Quản trị du lịch, khách sạn. Học phần là môn học đóng vai trò quan trọng, trang bị cho sinh viên các kiến thức nền tảng về quản trị kinh doanh dịch vụ, hội nghị.

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về liên quan đến kinh doanh dịch vụ giải trí và hội nghị, lập dự toán ngân sách và xây dựng kế hoạch tổ chức sự kiện, khách

mời và không gian tổ chức sự kiện, quản trị tác nghiệp trong kinh doanh tổ chức sự kiện và hội nghị, xác định các rủi ro trong kinh doanh tổ chức sự kiện và hội nghị.

13.47. Thực tập tốt nghiệp

Mã môn học: 004594

TC: 4TC

Thực tập tốt nghiệp là học phần chuyên ngành được giảng dạy cho sinh viên khối ngành Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân, Quản trị dịch vụ du lịch & lữ hành. Học phần là môn học đóng vai trò quan trọng, trang bị cho sinh viên tìm hiểu và áp dụng kiến thức quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành đã học vào thực tế tại doanh nghiệp đó là: hiểu được thực tế công việc và hoạt động quản trị tại doanh nghiệp, làm quen với môi trường làm việc và học hỏi tác phong làm việc cũng như một số kỹ năng của nhân viên du lịch, thí dụ cách thức giao tiếp, thu thập xử lý thông tin bằng cách phỏng vấn, nghiên cứu tài liệu văn bản, khả năng làm việc theo nhóm và viết một báo cáo thực tập tốt nghiệp về quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, lựa chọn một vấn đề thực tiễn làm báo cáo tốt nghiệp

Mục đích của thực tập tại doanh nghiệp là tạo điều kiện cho sinh viên: Hiểu được thực tế công việc và hoạt động quản trị tại doanh nghiệp kinh doanh lữ hành – khách sạn; Làm quen với môi trường làm việc và học hỏi tác phong làm việc cũng như một số kỹ năng của nhân viên du lịch, thí dụ cách thức giao tiếp, thu thập xử lý thông tin bằng cách phỏng vấn, nghiên cứu tài liệu văn bản, khả năng làm việc theo nhóm ...; Viết một báo cáo tốt nghiệp về quản trị tại doanh nghiệp kinh doanh lữ hành – khách sạn, lựa chọn một vấn đề thực tiễn làm báo cáo thực tập tốt nghiệp

13.48. Khóa luận tốt nghiệp

Mã môn học: 004575

TC: 7TC

Khóa luận tốt nghiệp là học phần chuyên ngành được giảng dạy cho sinh viên ngành Quản trị dịch vụ du lịch & lữ hành. Học phần là môn học đóng vai trò quan trọng trong quá trình chuẩn bị tốt nghiệp ra trường của sinh viên, giúp cho sinh viên có khả năng tìm hiểu và vận dụng kiến thức lý thuyết về quản trị kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành đã học vào các công việc thực tế tại doanh nghiệp.

Học phần giúp sinh viên hệ thống hóa lý luận chung về các nội dung thuộc các lĩnh vực du lịch, phản ánh thực trạng quản trị dịch vụ du lịch tại đơn vị thực tập từ đó đưa ra các giải pháp kiến nghị phù hợp có tính chất thực tiễn cho doanh nghiệp, Thông qua quá trình đó giúp cho sinh viên rèn luyện tư duy tốt, giải quyết các vấn đề tại doanh nghiệp một cách độc lập sáng tạo và hoàn thành khóa luận tốt nghiệp làm cơ sở đánh giá kết quả học tập cuối cùng trước khi tốt nghiệp.

14. Điều kiện đảm bảo chất lượng thực hiện chương trình đào tạo

Khoa Kinh tế và Quản lý bao gồm 03 bộ môn: Quản trị kinh doanh, Quản trị du lịch, Tài chính kế toán và 6 ngành đào tạo: Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Quản trị kinh doanh; Tài chính - Ngân hàng; Kế toán; Kiểm toán; Thương mại điện tử. Hiện Khoa có tổng số 60 cán bộ, giảng viên, trong đó 05 Phó giáo sư và 18 Tiến sĩ (chiếm 38%).

14.1. Đội ngũ giảng viên cơ hữu chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo/có chuyên môn phù hợp để chủ trì giảng dạy chương trình.

TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, CSGD, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng cao nhất	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp	
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Nguyễn Thị Vân Anh, 18/01/1981	001181011206, Việt Nam	Tiến sĩ, 2022	Tiến sĩ, Việt Nam, 2022	Quản trị nhân lực	01/01/2005		0112081687	18		
2	Nguyễn Thị Kim Thanh, 26/02/1978	111382121, Việt Nam	Tiến sĩ, 2020	Tiến sĩ, Việt Nam, 2020	Quản lý Công nghiệp	01/08/2009		2206005878	14		
3	Nguyễn Ngọc Trung, 16/06/1987	013379964, Việt Nam	Tiến sĩ, 2020	Tiến sĩ, Việt Nam, 2020	Quản trị kinh doanh	01/09/2009		01/09/2009	14		
4	Đào Duy Cầu, 11/11/1945	033045000984, Việt Nam	Tiến sĩ, 1996	Tiến sĩ, Việt Nam, 1996	Kinh tế học	20/12/2019	x		4		
5	Trương Thị Thu Hương, 08/10/1979	011910366, Việt Nam	Tiến sĩ, 2023	Tiến sĩ, Việt Nam, 2023	Quản trị kinh doanh	1/11/2011		0104014633	12		1

Bảng 1: Đội ngũ giảng viên cơ hữu chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo có chuyên môn phù hợp để chủ trì giảng dạy chương trình

14.2. Đội ngũ giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Mã học phần	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ		Nhiệm vụ của giảng viên trong CTĐT
					Bắt buộc	Tự chọn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Nguyễn Thị Vân Anh	Quản lý nhân lực	002168	Kỳ 2, năm 3	2		Chủ trì giảng dạy CTĐT
		Marketing căn bản	001671	Kỳ 1, năm 2	2		
		Thực tập nghiệp vụ lữ hành khách sạn	004337	Kỳ 2, năm 3	5		
		Thực tập tốt nghiệp	004574	Kỳ 2, năm 4	4		
		Khoá luận tốt nghiệp	004594	Kỳ 2, năm 4	7		
2	Nguyễn Thị Kim Thanh	Marketing du lịch	004876	Kỳ 2, năm 3	2		Chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện CTĐT
		Quản trị bán và chăm sóc khách hàng trong du lịch	004341	Kỳ 1, năm 4	3		
		Tổng quan du lịch	003406	Kỳ 1, năm 1	2		
		Thực tập nhận thức Lữ hành – khách sạn	004667	Kỳ 2, năm 2			
		Tài nguyên du lịch	002355	Kỳ 1, năm 2	3		
3	Trương Quốc Chí	Giáo dục thể chất	000801				Thực hiện CTĐT
4	Trần Khánh Duy	Giáo dục thể chất	000801				Thực hiện CTĐT
5	Cao Thị Phương Thủy	Quản trị kinh doanh khách sạn	002252	Kỳ 1, năm 4	3		Thực hiện CTĐT
		Văn hóa du lịch	004558	Kỳ 1, năm 2	3		
		Cơ sở văn hóa Việt Nam	004546	Kỳ 2, năm 2	2		
		Thiết kế và điều hành tour	004669	Kỳ 1, năm 4	3		
		Kinh tế du lịch	004875	Kỳ 2, năm 2	3		
		Khoá luận tốt nghiệp	004594	Kỳ 2, năm 4	7		
6	Nguyễn Thu Hương	Quản trị kinh doanh lữ hành	002256	Kỳ 1, năm 3	3		Thực hiện CTĐT
		Tâm lý và nghệ thuật ứng xử trong kinh doanh du lịch	004878	Kỳ 1, năm 3	3		
		Luật du lịch	001499	Kỳ 1, năm 2	2		
		Thiết kế và điều hành tour	004669	Kỳ 1, năm 4	3		
		Quản trị kinh doanh giải trí và hội nghị	002247	Kỳ 1, năm 3	3		
		Quản trị kinh doanh nhà hàng	004859	Kỳ 1, năm 3	2		

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Mã học phần	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ		Nhiệm vụ của giảng viên trong CTĐT
					Bắt buộc	Tự chọn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
7	Ngô Trọng Tuấn	Tiếng Anh chuyên ngành KSDL	003217	Kỳ 2, năm 2	3		Thực hiện CTĐT
		Tiếng anh du lịch	00825	Kỳ 2, năm 3	3		
		Tiếng anh chuyên ngành	007176	Kỳ 1, năm 3	3		
		Quản lý điểm đến du lịch	004877	Kỳ 2, năm 2	3		
		Hướng dẫn du lịch	000997	Kỳ 1, năm 3	3		
		Thực tập tốt nghiệp	004574	Kỳ 2, năm 4	4		
8	Đào Xuân Sang	Giáo dục thể chất	000801	Kỳ 1, năm 1	4		Thực hiện CTĐT
9	Cù Thị Sáng	Giáo dục thể chất	000801	Kỳ 1, năm 1	4		Thực hiện CTĐT
10	Đỗ Bá Thiệp	Giáo dục thể chất	000801	Kỳ 1, năm 1	4		Thực hiện CTĐT
12	Vũ Thị Thảo	Thực tập nhận thức Lễ hành – Khách sạn	004667	Kỳ 2, năm 2	5		Phát triển CTĐT
		Tổng quan du lịch	003406	Kỳ 1, năm 1	2		
		Tài nguyên du lịch	002355	Kỳ 1, năm 2	3		
		Thực tập nghiệp vụ lễ hành khách sạn	004337	Kỳ 2, năm 3	5		
13	Nguyễn Ngọc Trung	Luật du lịch	001499	Kỳ 1, năm 2	2		Chủ trì giảng dạy CTĐT
		Tổng quan du lịch	003406	Kỳ 1, năm 1	2		
		Thực tập tốt nghiệp	004574	Kỳ 2, năm 4	4		
		Thực hành môn học Lễ hành – Khách sạn	004668	Kỳ 1, năm 4	5		
		Thực tập nghiệp vụ lễ hành khách sạn	004337	Kỳ 2, năm 3	5		
		Khoá luận tốt nghiệp	004594	Kỳ 2, năm 4	7		
14	Ngô Thị Thúy Ngân	Nguyên lý kế toán	001838	Kỳ 1, năm 2		3	Thực hiện CTĐT
15	Nguyễn Ngọc Hiền	Nguyên lý kế toán	001838	Kỳ 1, năm 2		3	Thực hiện CTĐT
16	Phạm Quốc Huân	Quản lý tài chính	002208	Kỳ 1, năm 2		3	Thực hiện CTĐT
17	Nguyễn Quỳnh Anh	Quản lý tài chính	002208	Kỳ 1, năm 2		3	Thực hiện CTĐT
18	Lê Thị Mai Hương	Quản lý tài chính	002208	Kỳ 1, năm 2		3	Thực hiện CTĐT
19	Đặng Quốc Hương	Quản lý tài chính	002208	Kỳ 1, năm 2		3	Thực hiện CTĐT
20	Nguyễn Hồng Nhung	Quản lý tài chính	002208	Kỳ 1, năm 2		3	Thực hiện CTĐT
21	Trương Thị Thu Hường	Kinh tế vi mô	001223	Kỳ 1, năm 1	2		

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Mã học phần	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ		Nhiệm vụ của giảng viên trong CTĐT
					Bắt buộc	Tự chọn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
		Thống kê ứng dụng trong kinh doanh	004557	Kỳ 1, năm 2		3	Giảng viên cơ hữu chủ trì giảng dạy CTĐT
		Quản lý nhân lực	002168	Kỳ 2, năm 3	2		
		Marketing căn bản	001671	Kỳ 1, năm 2	2		
		Quản trị học	002244	Kỳ 2, năm 1	3		
22	Nguyễn Thị Việt Ngọc	Thống kê ứng dụng trong kinh doanh	004557	Kỳ 1, năm 2		3	Thực hiện CTĐT
		Kinh tế vi mô	001223	Kỳ 1, năm 1	2		
23	Vũ Đình Dũng	Thống kê ứng dụng trong kinh doanh	004557	Kỳ 1, năm 2		3	Thực hiện CTĐT
		Quản lý nhân lực	002168	Kỳ 2, năm 3	2		
24	Nguyễn Ngọc Thía	Thống kê ứng dụng trong kinh doanh	004557	Kỳ 1, năm 2		2	Thực hiện CTĐT
		Kinh tế vi mô	001223	Kỳ 1, năm 1	2		
25	Vương Thị Hồng	Quản trị học	002244	Kỳ 2, năm 1	3		Thực hiện CTĐT
26	Nguyễn Trung Hạnh	Thống kê ứng dụng trong kinh doanh,	004557	Kỳ 1, năm 2		3	Thực hiện CTĐT
		Thương mại điện tử	003105	Kỳ 1, năm 3		2	
		Kinh tế vi mô	001216	Kỳ 1, năm 1	3		
27	Trần Thanh Tuấn	Quản trị học	002244	Kỳ 2, năm 1	3		Thực hiện CTĐT
28	Đào Duy Cầu	Thống kê ứng dụng trong kinh doanh,	004557	Kỳ 1, năm 2		3	Phát triển CTĐT
		Thương mại điện tử	003105	Kỳ 1, năm 3		2	
		Kinh tế vi mô	001216	Kỳ 1, năm 1	3		
29	Phạm Thị Mai Quyên	Thương mại điện tử	003105	Kỳ 1, năm 3		2	Thực hiện CTĐT
		Quản trị học	002244	Kỳ 2, năm 1	3		
		Kinh tế vĩ mô	001223	Kỳ 1, năm 2	2		
30	Ngô Ngọc Thành	Ứng dụng CNTT cơ bản	004547	Kỳ 1, Năm 1	4		Thực hiện CTĐT
31	Lê Hoàn	Ứng dụng CNTT cơ bản	004547	Kỳ 1, Năm 1	4		Thực hiện CTĐT
32	Phạm Trí Nguyễn	Toán cao cấp 2	004546	Kỳ 1, Năm 1	4		Thực hiện CTĐT
33	Nguyễn Như Quân	Xác suất thống kê	003657	Kỳ 1, Năm 1	3		Thực hiện CTĐT
34	Trần Thị Quỳnh Chi	Toán cao cấp 2	004546	Kỳ 1, Năm 1	4		Thực hiện CTĐT
35	Lê Thị Bích Hằng	Tiếng Anh 1	003137	Kỳ 2, Năm 1	4		Thực hiện CTĐT

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Mã học phần	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ		Nhiệm vụ của giảng viên trong CTĐT
					Bắt buộc	Tự chọn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
36	Lâm Thị Thu Hiền	Tiếng Anh 1	003137	Kỳ 2, Năm 1	4		Thực hiện CTĐT
37	Trần Thanh Hoài	Giáo dục thể chất	000801	Kỳ 1, Năm 1	4		Thực hiện CTĐT
38	Nguyễn Thị Nguyệt Minh	Tiếng Anh 2	003144	Kỳ 1, Năm 2	4		Thực hiện CTĐT
39	Nguyễn Thế Mừng	Luật kinh tế	001506	Kỳ 1, Năm 3	2		Thực hiện CTĐT
40	Ngô Thị Tuyết Thanh	Pháp luật đại cương	002018	Kỳ 1, Năm 1	2		Thực hiện CTĐT
41	Cao Thị Thu Trà	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	003928	Kỳ 1, Năm 3	2		Thực hiện CTĐT
42	Đoàn Nam Chung	Triết học Mác Lênin	003923	Kỳ 1, Năm 1	3		Thực hiện CTĐT
43	Nguyễn Thị Huyền Chi	Tư tưởng Hồ Chí Minh	003505	Kỳ 2, Năm 2	2		Thực hiện CTĐT
44	Ngô Thị Thơm	Kinh tế chính trị Mác Lênin	003925	Kỳ 2, Năm 1	2		Thực hiện CTĐT
45	Nguyễn Thị Phương Mai	Chủ nghĩa xã hội khoa học	003926	Kỳ 1, Năm 2	2		Thực hiện CTĐT
46	Vũ Ngọc Minh	Giáo dục Quốc phòng An Ninh	000785	Kỳ 1, Năm 1	11		Thực hiện CTĐT
47	Phạm Mạnh Hải	Năng lượng cho phát triển bền vững	004552	Kỳ 2, Năm 1	2		Thực hiện CTĐT
48	Nguyễn Đăng Toàn	Năng lượng cho phát triển bền vững	004552	Kỳ 2, Năm 1	2		Thực hiện CTĐT

Bảng 2: Đội ngũ giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo

14.3. Cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu đảm bảo phục vụ cho chương trình đào tạo

14.3.1. Hệ thống quản lý hỗ trợ học tập, quản lý đào tạo:

- Phần mềm Hệ thống quản lý giáo dục (PMT-EMS education) dùng chung trong toàn trường hỗ trợ công tác đào tạo (thời khóa biểu, đăng ký môn học, điểm, quản lý chương trình đào tạo); công tác sinh viên (quản lý sinh viên, cổng thông tin sinh viên, khảo sát đánh giá sinh viên); công tác khảo thí và đảm bảo chất lượng (tổ chức thi, chấm công giờ dạy).

- Phần mềm tổ chức thi trắc nghiệm phục vụ tổ chức thi kết thúc học phần.

- Cổng thông tin tuyển sinh tuyensinh.epu.edu.vn phục vụ cập nhật thông tin tuyển sinh, đăng ký tuyển sinh online trích xuất ra thông tin đăng ký tuyển sinh của thí sinh. - Cổng thông tin điện tử epu.edu.vn đưa thông tin tuyển sinh, thông báo để phục vụ công tác tuyển sinh của nhà trường.

14.3.2. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

TT	Loại phòng học	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần
1	Hội trường + giảng đường + phòng học đa phương tiện	131	17,602	Máy chiếu	61	Dùng chung cho tất cả các học phần/môn học của tất cả các Khoa trong trường
				Màn hình TV + màn led	41	
				Thiết bị âm thanh (máy trợ giảng, amply + micro + loa)	57	
				Camera giám sát	75	
				Điều hòa không khí	269	
2	Phòng học máy tính	6	939	Máy chiếu	6	
				Máy chủ	10	
				Máy tính để bàn + xách tay	306	

14.3.3. Danh sách các trung tâm, cơ sở hỗ trợ nghiên cứu, thực hành, thực tập

STT	Tên trung tâm, cơ sở hỗ trợ nghiên cứu, thực hành, thực tập	Ngành nghề kinh doanh	Số hợp đồng/ Thời gian	Số người học/kỳ	Tên học phần	Thời gian thực hiện (năm thứ/ học kỳ)
1	Khách sạn Melia Hà Nội	Kinh doanh dịch vụ lưu trú và ăn uống	Ký kết MOU với EPU - 2018	50- 100 người	Thực hành môn học Lễ hành - Khách sạn; Thực tập nghiệp vụ Lễ hành – Khách sạn; Thực tập quản trị tác nghiệp; Thực tập tốt nghiệp; Thực tập nhận thức lễ hành – khách sạn	Kỳ 1 năm 4; Kỳ 2 năm 3; Kỳ 2 năm 3; Kỳ 2 năm 4; Kỳ 2 năm 2.
2	Công ty TNHH quốc tế Hồ Tây - Khách sạn Pan Pacific Hà Nội	Kinh doanh dịch vụ lưu trú và ăn uống	Ký kết MOU với EPU - 2022	50 -80 người	Thực hành môn học Lễ hành - Khách sạn; Thực tập nghiệp vụ Lễ hành – Khách sạn; Thực tập quản trị tác nghiệp; Thực tập tốt nghiệp; Thực tập nhận thức lễ hành – khách sạn	Kỳ 1 năm 4; Kỳ 2 năm 3; Kỳ 2 năm 3; Kỳ 2 năm 4; Kỳ 2 năm 2.

STT	Tên trung tâm, cơ sở hỗ trợ nghiên cứu, thực hành, thực tập	Ngành nghề kinh doanh	Số hợp đồng/ Thời gian	Số người học/kỳ	Tên học phần	Thời gian thực hiện (năm thứ/ học kỳ)
3	Hội đồng kinh doanh Việt Nam - Campuchia - Tập đoàn Marriot đơn vị quản lý các khách sạn sau tại Việt Nam và Cam Pu Chia	Kinh doanh dịch vụ lưu trú và ăn uống	Ký kết MOU với EPU - 2021	50 – 300 người	Thực hành môn học Lễ hành - Khách sạn; Thực tập nghiệp vụ Lễ hành – Khách sạn; Thực tập quản trị tác nghiệp; Thực tập tốt nghiệp; Thực tập nhận thức lễ hành – khách sạn	Kỳ 1 năm 4; Kỳ 2 năm 3; Kỳ 2 năm 3; Kỳ 2 năm 4; Kỳ 2 năm 2.
4	Hệ thống nghỉ dưỡng The Five, Thuộc Công ty TNHH TCG Land	Kinh doanh dịch vụ lưu trú và ăn uống	Ký kết MOU với EPU - 2022	20- 50 người	Thực hành môn học Lễ hành - Khách sạn; Thực tập nghiệp vụ Lễ hành – Khách sạn; Thực tập quản trị tác nghiệp; Thực tập tốt nghiệp; Thực tập nhận thức lễ hành – khách sạn	Kỳ 1 năm 4; Kỳ 2 năm 3; Kỳ 2 năm 3; Kỳ 2 năm 4; Kỳ 2 năm 2.
5	Công ty TNHH FLC Sầm Sơn golf & resort	Kinh doanh dịch vụ lưu trú và ăn uống	Ký kết MOU với EPU - 2018	50 – 500 người	Thực hành môn học Lễ hành - Khách sạn; Thực tập nghiệp vụ Lễ hành – Khách sạn; Thực tập quản trị tác nghiệp; Thực tập tốt nghiệp; Thực tập nhận thức lễ hành – khách sạn	Kỳ 1 năm 4; Kỳ 2 năm 3; Kỳ 2 năm 3; Kỳ 2 năm 4; Kỳ 2 năm 2.
6	Khách sạn Hyatt regency west Ha Noi	Kinh doanh dịch vụ lưu trú và ăn uống	Ký kết MOU với EPU – 2021	50 – 70 người	Thực hành môn học Lễ hành - Khách sạn; Thực tập nghiệp vụ Lễ hành – Khách sạn; Thực tập quản trị tác nghiệp; Thực tập tốt nghiệp; Thực tập nhận thức lễ hành – khách sạn	Kỳ 1 năm 4; Kỳ 2 năm 3; Kỳ 2 năm 3; Kỳ 2 năm 4; Kỳ 2 năm 2.
7	Chi nhánh công ty TNHH MTV dịch vụ lễ hành Saigontourist tại Hà nội	Kinh doanh lễ hành; Đào tạo và tư vấn về lễ hành và khách sạn	2023	20 – 50 người	Thực hành môn học Lễ hành - Khách sạn; Thực tập nghiệp vụ Lễ hành – Khách sạn; Thực tập quản trị tác nghiệp; Thực tập tốt nghiệp; Thực tập nhận thức lễ hành – khách sạn	Kỳ 1 năm 4; Kỳ 2 năm 3; Kỳ 2 năm 3; Kỳ 2 năm 4; Kỳ 2 năm 2.

STT	Tên trung tâm, cơ sở hỗ trợ nghiên cứu, thực hành, thực tập	Ngành nghề kinh doanh	Số hợp đồng/ Thời gian	Số người học/kỳ	Tên học phần	Thời gian thực hiện (năm thứ/ học kỳ)
8	Công ty TNHH thương mại dịch vụ Quốc tế AMZ	Kinh doanh lữ hành; Đào tạo và tư vấn về lữ hành và khách sạn	Ký kết MOU với EPU – 2021	50 – 300 người	Thực hành môn học Lữ hành - Khách sạn; Thực tập nghiệp vụ Lữ hành – Khách sạn; Thực tập quản trị tác nghiệp; Thực tập tốt nghiệp; Thực tập nhận thức lữ hành – khách sạn	Kỳ 1 năm 4; Kỳ 2 năm 3; Kỳ 2 năm 3; Kỳ 2 năm 4; Kỳ 2 năm 2.
9	Công ty cổ phần Hồng Hạc Đại Lải	Kinh doanh dịch vụ lưu trú và ăn uống	2023	50 – 200 người	Thực hành môn học Lữ hành - Khách sạn; Thực tập nghiệp vụ Lữ hành – Khách sạn; Thực tập quản trị tác nghiệp; Thực tập tốt nghiệp; Thực tập nhận thức lữ hành – khách sạn	Kỳ 1 năm 4; Kỳ 2 năm 3; Kỳ 2 năm 3; Kỳ 2 năm 4; Kỳ 2 năm 2.
10	Khách sạn Novotel Hà Nội Thái Hà	Kinh doanh dịch vụ lưu trú và ăn uống	Ký kết MOU với EPU – 2023	50 – 80 người	Thực hành môn học Lữ hành - Khách sạn; Thực tập nghiệp vụ Lữ hành – Khách sạn; Thực tập quản trị tác nghiệp; Thực tập tốt nghiệp; Thực tập nhận thức lữ hành – khách sạn	Kỳ 1 năm 4; Kỳ 2 năm 3; Kỳ 2 năm 3; Kỳ 2 năm 4; Kỳ 2 năm 2.
11	Khách sạn Lottle Hà Nội	Kinh doanh dịch vụ lưu trú và ăn uống	2023	50 – 80 người	Thực hành môn học Lữ hành - Khách sạn; Thực tập nghiệp vụ Lữ hành – Khách sạn; Thực tập quản trị tác nghiệp; Thực tập tốt nghiệp; Thực tập nhận thức lữ hành – khách sạn	Kỳ 1 năm 4; Kỳ 2 năm 3; Kỳ 2 năm 3; Kỳ 2 năm 4; Kỳ 2 năm 2.
12	Công ty đầu tư- vận tải – du lịch Hoàng Việt (Hoàng Việt travel)	Kinh doanh lữ hành; Đào tạo và tư vấn về lữ hành		10- 20 người	Thực hành môn học Lữ hành - Khách sạn; Thực tập tốt nghiệp;	Kỳ 1 năm 4; Kỳ 2 năm 4;
13	Công ty cổ phần thương mại và lữ hành cảm xúc việt	Kinh doanh lữ hành; Đào tạo và tư vấn về lữ hành		10- 20 người	Thực hành môn học Lữ hành - Khách sạn; Thực tập tốt nghiệp;	Kỳ 1 năm 4; Kỳ 2 năm 4;

STT	Tên trung tâm, cơ sở hỗ trợ nghiên cứu, thực hành, thực tập	Ngành nghề kinh doanh	Số hợp đồng/ Thời gian	Số người học/kỳ	Tên học phần	Thời gian thực hiện (năm thứ/ học kỳ)
14	Asian Travel	Kinh doanh lữ hành; Đào tạo và tư vấn về lữ hành		10- 20 người	Thực hành môn học Lữ hành - Khách sạn; Thực tập tốt nghiệp;	Kỳ 1 năm 4; Kỳ 2 năm 4;

14.3.4. Thư viện

- Diện tích sàn sử dụng cho Thư viện: 1.176m²
- Số chỗ ngồi: 200
- Số máy tính phục vụ tra cứu: 3
- Phần mềm quản lý: Libol 8.0
- Thư viện điện tử, thư viện số liên kết: <http://epu.tailieu.vn/>; <http://db.vista.gov.vn/>
- Số lượng sách: 42.848 cuốn

14.3.5. Danh mục giáo trình dùng trong chương trình đào tạo

TT	Tên giáo trình chính (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	SL	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần	T.gian SD
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo trình Triết học Mác - Lênin (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị Quốc gia sự thật. 2021	1	Triết học Mác Lênin	003923	HK1, Năm1
2	Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị Quốc gia sự thật, 2021, Việt Nam		Kinh tế Chính trị Mác Lênin	003925	HK2, Năm1
3	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (Dành cho bậc đại	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị Quốc gia sự thật, 2021, Việt Nam	1	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	003926	HK1, Năm2

TT	Tên giáo trình chính (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	SL	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần	T.gian SD
	học hệ không chuyên lý luận chính trị)						
4	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị Quốc gia sự thật. 2021	1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	003505	HK2, Năm2
5	Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị Quốc gia sự thật. 2021	1	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	003928	HK1, Năm3
6	Pháp luật đại cương	Lê Minh Toàn	NXB Chính trị Quốc gia sự thật. 2022		Pháp luật đại cương	002018	HK2, Năm1
7	Empower (second edition), B1- Student's book	Adrian Doff & Craig Thaine	Cambridge University Press. 2022	1	Tiếng Anh 1	003137	HK2, Năm1
8	Empower (second edition), B1- Student's book	Adrian Doff & Craig Thaine	Cambridge University Press. 2022	1	Tiếng Anh 2	003144	HK1, Năm2
9	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Nguyễn Cao Văn	NXB ĐH Kinh tế Quốc Dân, 2008	55	Xác suất thống kê	003657	HK2, Năm1
10	Energy and the Environment	James A. Fay, Dan S. Golomb	Oxford University Press, 2002		Năng lượng cho phát triển bền vững	004552	HK1, Năm1
11	Giáo trình tin học ứng dụng	Trần Thị Song Minh	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2018		Ứng dụng CNTT cơ bản	004547	HK1, Năm1
12	Giáo trình Quản trị nhân lực	Nguyễn Ngọc Quân, Nguyễn Văn Diễm	NXB ĐHKQTĐ, 2022	1	Quản lý nguồn nhân lực	002168	HK2, Năm3
13	Quản trị học	Nguyễn Thị Thanh Dân	Nhà xuất bản Bách Khoa	1	Quản trị học	002244	HK2, Năm1
14	Giáo trình Kinh tế học, tập 1	Vũ Kim Dũng, Nguyễn Văn Công	NXB ĐH Kinh tế quốc dân	20	Kinh tế vi mô	001216	HK1, Năm1
15	Marketing căn bản	PGS.TS. Trần Minh Đạo	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2	Marketing căn bản	001671	HK1, Năm2
16	Cơ sở văn hoá Việt Nam	Trần Ngọc Thêm	NXB Giáo dục	1	Cơ sở văn hóa Việt Nam	004550	HK1, Năm1

TT	Tên giáo trình chính (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	SL	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần	T.gian SD
17	Nguyên lý kế toán	Nguyễn Tổ Tâm (chủ biên)	NXB giáo dục	1	Nguyên lý kế toán	001838	HK1, Năm2
18	Hệ thống câu hỏi và bài tập Nguyên lý kế toán	Nguyễn Tổ Tâm (chủ biên)	Nhà xuất bản giáo dục	1		000000	HK1, Năm2
19	Giáo trình Quản trị nhân lực	Nguyễn Ngọc Quân	NXB ĐHKQTĐ	1	Quản lý nguồn nhân lực	002168	HK2, Năm3
20	Thống kê ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh	Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc	Nhà xuất bản Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.	1	Thống kê ứng dụng trong kinh doanh	004557	HK1, Năm2
21	Giáo trình tài chính doanh nghiệp	TS. Bùi Văn Vân, TS. Vũ Văn Ninh	Nhà xuất bản Tài chính	1	Quản lý tài chính	002208	HK1, Năm2
22	Văn hóa du lịch	Nguyễn Phạm Hùng	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2022	1	Văn hóa du lịch	004558	HK1, Năm2
23	Market Leader Intermediate Business English Course Book David Cotton	David Cotton	Pearson Longman	1	Tiếng Anh chuyên ngành	003176	HK1, Năm3
24	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	Mark Saunders, Dịch giả: Nguyễn Văn Dung	Tài chính, 2010, Việt Nam	1	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	002059	HK1, Năm2
25	Tổng quan du lịch	Võ Văn Thành	NXB Văn hóa nghệ thuật, 2015, Việt Nam	1	Tổng quan du lịch	003404	HK2, Năm1
26	Quản trị bán hàng	PGS.TS. Vũ Minh Đức; PGS.TS Vũ Huy Thông	NXB ĐH Kinh tế quốc dân	1	Quản lý bán và DVCSKH trong du lịch	004343	HK1, Năm4
27	Giao tiếp trong kinh doanh	PGS.TS Hoàng Văn Hoa; PGS.TS Trần Thị Vân Hoa	NXB ĐH Kinh tế quốc dân	1	Tâm lý và nghệ thuật giao tiếp ứng xử trong KD du lịch	004878	HK1, Năm4
28	Giáo trình thương mại điện tử	Phạm Thị Thanh Hồng	NXB Bách Khoa	1	Thương mại điện tử (*)	003105	HK1, Năm4
29	Tổ chức kinh doanh nhà hàng	Trịnh Xuân Dũng	NXB Lao động Xã hội		Quản trị kinh doanh nhà hàng	004859	HK1, Năm4

TT	Tên giáo trình chính (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	SL	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần	T.gian SD
30	English for international tourism Intermediate Workbook	Harrison, L,	Pearson Longman	1	Tiếng Anh CN KSDL	003217	HK2, Năm2
31	Giáo trình quản trị kinh doanh khách sạn	PGS. TS Nguyễn Văn Mạnh & TS. Hoàng Thị Lan Hương	NXB ĐH Kinh tế quốc dân	1	Quản trị kinh doanh khách sạn	002252	HK1, Năm4
32	Quản trị kinh doanh lễ hành	Nguyễn Văn Mạnh, Phạm Hồng Chương,	NXB ĐH Kinh tế quốc dân	1	Quản trị kinh doanh lễ hành	002256	HK1, Năm3
33	Giám sát khách sạn	ThS. Trần Nữ Ngọc Anh	NXB Thanh niên	1	Giám sát khách sạn	000776	HK1, Năm3
34	Luật du lịch	Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam,	NXB Lao động	1	Luật du lịch	001499	HK1, Năm2
35	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	Lê Thái Sơn, Bùi Vũ Lương	NXB Thông tin và truyền thông	2	Hướng dẫn du lịch	000997	HK1, Năm3
36	Marketing du lịch	GS.TS. Hà Nam Khánh Giao (chủ biên) Ths. Trần Diệu Hằng, Ths. Nguyễn Phạm Hạnh Phúc, Ths. Huỳnh Quốc Tuấn, Ths. Hà Kim Hồng, Ths. Nguyễn Thị Kim Ngân	NXB Thông tin và truyền thông	2	Marketing du lịch	004876	HK2, Năm3
37	Tâm lý và nghệ thuật giao tiếp, ứng xử trong kinh doanh du lịch	Nguyễn Văn Đỉnh và Nguyễn Văn Mạnh,	NXB ĐH Kinh tế quốc dân	1	Tâm lý và nghệ thuật giao tiếp ứng xử trong kinh doanh du lịch	004878	HK1, Năm3
38	Giáo trình Tiếng Anh Du lịch	Nguyễn Quang	NXB ĐH Sư Phạm TP HCM	1	Tiếng Anh du lịch	000825	HK2, Năm3
39	Tài nguyên du lịch	Bùi Thị Hải Yến, Phạm Hồng Long	NXB Giáo dục	1	Tài nguyên du lịch	004335	HK1, Năm2

TT	Tên giáo trình chính (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	SL	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần	T.gian SD
40	Tài liệu hướng dẫn Thực tập nhận thức Lữ hành-Khách sạn	Tổng cục Du lịch Việt Nam (Sách phổ thông)	Bộ Văn hoá thể thao và du lịch- Bộ Du lịch	2	Thực tập nhận thức về Lữ hành – khách sạn	004667	HK2, Năm2
41	Tài liệu hướng dẫn Thực tập nghề nghiệp Lữ hành-Khách sạn	Tổng cục Du lịch Việt Nam (Sách phổ thông)	Bộ Văn hoá thể thao và du lịch-Bộ Du lịch	2	Thực tập nghiệp vụ Lữ hành - Khách sạn (*)	004337	HK2, Năm3
42	Tài liệu hướng dẫn Thực hành môn học Lữ hành- Khách sạn	Tổng cục Du lịch Việt Nam (Sách phổ thông)	Bộ Văn hoá thể thao và du lịch-Bộ Du lịch	2	Thực hành môn học lữ hành – khách sạn	004668	HK1, Năm4
43	Tài liệu hướng dẫn Thực tập quản trị tác nghiệp Lữ hành- Khách sạn	Tổng cục Du lịch Việt Nam (Sách phổ thông)	Bộ Văn hoá thể thao và du lịch-Bộ Du lịch	2	Thực tập Quản trị tác nghiệp lữ hành - khách sạn	004339	HK2, Năm3
44	Giáo trình Hành vi người tiêu dùng	TS. Vũ Huy Thông	NXB ĐH Kinh tế quốc dân	1	Hành vi người tiêu dùng	004874	HK1, Năm2
45	Giáo trình Kinh tế du lịch	Nguyễn Thị Nguyên Hồng, Vũ Đức Minh	NXB Thống kê.	1	Kinh tế du lịch	004333	HK2, Năm2
46	Tuyển điểm du lịch Việt Nam	Bùi Thị Hải Yến	NXB Giáo dục Việt Nam	2	Quản lý điểm đến du lịch	004877	HK2, Năm2
47	Tổ chức sự kiện	Lưu Văn Nghiêm,	NXB Đại học kinh tế quốc dân	1	Quản trị KD dịch vụ giải trí và hội nghị	002247	HK1, Năm3
48	Giáo trình Quản trị tác nghiệp doanh nghiệp lữ hành	Trần Thị Bích Hằng	NXB Thống kê.	1	Thiết kế và điều hành Tour	004669	HK1, Năm4

14.3.6. Danh mục sách chuyên khảo, tạp chí của ngành đào tạo

STT	Tên sách tài liệu tham khảo (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	SL	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần	T. gian SD
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo trình quản trị học	Đoàn Thị Thu Hà và Nguyễn Thị Ngọc Huyền	Nhà xuất bản tài chính, 2013, Việt Nam	3	Quản trị học	002244	HK2, Năm1
2	Bài tập kinh tế vi mô	Vũ Kim Dũng	NXB Lao động xã hội, 2014, Việt Nam	1	Kinh tế vi mô	001216	HK1, Năm1
3	Bài tập kinh tế học vi mô 101 bài tập kinh tế vi mô chọn lọc	Vũ Kim Dũng	NXB Thế giới, 2008, Việt Nam	7	Kinh tế vi mô	001216	HK1, Năm1
4	Giáo trình Marketing căn bản	Nguyễn Thượng Thái	NXB Thông tin và Truyền thông, 2010, Việt Nam	1	Marketing căn bản	001671	HK1, Năm2
5	Cơ sở văn hoá Việt Nam	Trần Quốc Vượng	NXB Giáo dục, 2018, Việt Nam	1	Cơ sở văn hóa Việt Nam	004550	HK1, Năm1
6	Giáo trình Nguyên Lý Kế Toán	TS Phạm Thành Long	NXB Đại học Kinh Tế Quốc Dân, 2009, Việt Nam	1	Nguyên lý kế toán	001838	HK1, Năm2
7	Quản trị nguồn nhân lực	Trần Kim Dung	Nxb.Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, 2016, Việt Nam	1	Quản lý nguồn nhân lực	002168	HK2, Năm4
8	Phân Tích Dữ Liệu Nghiên Cứu Với SPSS - Tập 1 và 2	Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc	NXB Hồng Đức, 2008, Việt Nam	1	Thống kê ứng dụng trong kinh doanh	004557	HK1, Năm2
9	Giáo trình Cơ sở Quản lý tài chính	Nghiêm Sĩ Thương	NXB Giáo dục, 2010, Việt Nam	5	Quản lý tài chính	002208	HK1, Năm2
10	Tài chính doanh nghiệp căn bản	Nguyễn Minh Kiều	NXB Thống kê, 2010, Việt Nam	1	Quản lý tài chính	002208	HK1, Năm2
11	Quản trị tài chính doanh nghiệp	Vũ Duy Hào	NXB Giao thông vận tải, 2009, Việt Nam	5	Quản lý tài chính	002208	HK1, Năm2
12	Việt Nam Văn hóa và du lịch	Trần mạnh Thường	NXB Thời đại, 2013, Việt Nam	1	Văn hóa du lịch	004558	HK1, Năm2

STT	Tên sách tài liệu tham khảo (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	SL	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần	T. gian SD
13	English for Business Studies	Ian MacKenzie	Cambridge University Press, 2010	1	Tiếng Anh chuyên ngành	003176	HK1, Năm3
14	Giáo trình Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Vũ Cao Đàm	NXB Khoa học kỹ thuật, 2005, Việt Nam	9	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	002059	HK2, Năm1
15	Quản trị bán hàng James M. Comer	James M. Comer	NXB Hồng Đức, 2008, Việt Nam	1	Quản lý bán và DVCSKH trong du lịch	004343	HK1, Năm4
16	Quản trị marketing	Philip Kotler, (dịch giả: Vũ Trọng Hùng & Phan Thăng)	NXB Lao động xã hội, 2013, Việt Nam	1	Quản lý bán và DVCSKH trong du lịch	004343	HK1, Năm4
17	Giáo trình Thương mại điện tử	Nguyễn Văn Hồng, Nguyễn Văn Thoan	NXB Bách khoa, 2013, Việt Nam	1	Thương mại điện tử (*)	003105	HK1, Năm4
18	Các tình huống quản trị tác nghiệp doanh nghiệp du lịch	Nguyễn Doãn Thị Liễu	NXB Thống kê, 2001, Việt Nam	1	Quản trị kinh doanh nhà hàng	004859	HK2, Năm1
19	English for Business Studies	Ian MacKenzie	Cambridge University Press, 2010	1	Tiếng Anh CN KSDL	003217	HK2, Năm3
20	Giáo trình quản trị cơ sở lưu trú du lịch	Hà Nam Khánh Giao, Đoàn Quang Đồng, Huỳnh Diệp Trân Anh	NXB Tài chính, 2021, Việt Nam	2	Quản trị kinh doanh khách sạn	002252	HK1, Năm4
21	Luật du lịch	Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam,	NXB Lao động, 2017, Việt Nam	1	Quản trị kinh doanh lữ hành	002256	HK1, Năm3
22	Giáo trình quản trị kinh doanh khách sạn	PGS. TS Nguyễn Văn Mạnh & TS. Hoàng Thị Lan Hương	NXB ĐH Kinh tế quốc dân, 2013, Việt Nam	1	Giám sát khách sạn	000776	HK1, Năm3
23	Luật du lịch	Minh Ngọc	NXB Lao động, 2017	1	Luật du lịch	001499	HK1, Năm2
24	Giáo trình quản trị kinh doanh lữ hành	Nguyễn Văn Mạnh, Phạm Hồng Chương,	NXB Đại học Kinh Tế Quốc Dân, 2012, Việt Nam	2	Hướng dẫn du lịch	000997	HK1, Năm3

STT	Tên sách tài liệu tham khảo (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	SL	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần	T. gian SD
25	Giáo trình Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	Đinh Trung Kiên	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2008, Việt Nam	1	Hướng dẫn du lịch	000997	HK1, Năm3
26	Marketing du lịch	PGS.TS Nguyễn Văn Mạnh & PGS.TS Nguyễn Đình Hòa,	NXB Đại học kinh tế quốc dân, 2008, Việt Nam	1	Marketing du lịch	004876	HK2, Năm4
27	Các tình huống quản trị tác nghiệp doanh nghiệp du lịch	PGS. TS Nguyễn Doãn Thị Liễu,	NXB Thống kê, 2011, Việt Nam	1	Tâm lý và nghệ thuật giao tiếp ứng xử trong kinh doanh du lịch	004878	HK1, Năm3
28	Tourism English		NXB Tổng hợp TP HCM, 2011	2	Tiếng Anh du lịch	000825	HK2, Năm4
29	Điều gì khiến khách hàng chi tiền	Martin Lindstrom	NXB Lao động xã hội, 2017, Việt Nam	1	Hành vi người tiêu dùng	004874	HK2, Năm4
30	Quản trị kinh doanh lữ hành	Nguyễn Văn Mạnh, Phạm Hồng Chương,	NXB ĐH Kinh tế quốc dân, 2012, Việt Nam	1	Thiết kế và điều hành Tour	004669	HK1, Năm4
31	Giáo trình Triết học Mác - Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Nxb Chính trị quốc gia, 2006, Việt Nam	5	Triết học Mác Lênin	003923	HK1, Năm1
32	Giáo trình Kinh tế Chính trị Mác-Lênin	Nguyễn Văn Hào (chủ biên) Nguyễn Đình Kháng	NXB Chính trị Quốc gia, 2004, Việt Nam	1	Kinh tế Chính trị Mác Lênin	003925	HK1, Năm2
33	Hồ Chí Minh toàn tập	Trịnh Thúc Huỳnh	NXB Chính trị quốc gia, 2004, Việt Nam	14	Tư tưởng Hồ Chí Minh	003505	HK2, Năm2
34	Tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền con người và sự vận dụng của Đảng cộng sản Việt Nam trong điều kiện hiện nay	Đỗ Thị Hiện	NXB khoa học xã hội. 2022, Việt Nam	4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	003505	HK2, Năm2
35	Energy Management Handbook Sixth Edition	Wayne C. Tumer Steve Doty	The Fairmont Fress, 2007	1	Năng lượng cho phát triển bền vững	004552	HK1, Năm1

15. Đối sánh chương trình đào tạo của các trường trong nước và nước ngoài

15.1. Danh sách các chương trình đào tạo cùng ngành của các Trường Đại học khác được đối sánh làm cơ sở đánh giá, cải tiến chất lượng chương trình đào tạo

1. Trường Đại học Thương Mại:

<https://drive.google.com/file/d/1sFyUHykZFmgZtbRnZ3F6Rn0UTNkOdxkV/view?usp=sharing>

2. Trường Đại học Kinh tế quốc dân: <https://drive.google.com/file/d/1GJVUmK-DYHxDjQIk6x-sRsWCPm8U8Igl/view?usp=sharing>

3. Trường Đại học Đà Lạt:

<https://drive.google.com/file/d/1KqhbWlGZP9ofaEDPVp8fQ2GD3ogBgsaD/view?usp=sharing>

* Các trường đại học nước ngoài

1. Trường Đại học Bournemouth (Anh):

https://drive.google.com/file/d/1LSSsf56XRKmV7xAMmwfSB7yE7_vx/view?usp=sharing

2. Trường Đại học Indraprastha (Ấn Độ) – Hotel Management and Catering Technology:

<https://drive.google.com/file/d/1pTy9VwSE4josLmvU0hrxr6kqr3JYz29K/view?usp=sharing>

3. Trường Đại học Khoa học ứng dụng Stenden (Hà Lan) – Tourism Management:

https://drive.google.com/file/d/1aJ0FMUbp0vess_vdhsoQTmAUIwlt/view?usp=sharing

15.2. So sánh chương trình đào tạo (kèm theo phụ lục chi tiết các học phần)

Chương trình	Tổng TC	Tổng HP	GDĐC	CSN	Ngành	CN	Bổ trợ (Thực hành)
Trường Đại học Điện lực	126	48	35	26	31	19	0
Các trường Đại học trong nước							
Trường Đại học Thương Mại	131	58	37	29	0	45	10
Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	129	40	44	15	0	42	18
Đại học Đà Lạt	131	51	44	27	0	60	0
Các Trường Đại học nước ngoài							
Đại học Swansea University (Anh)	140		40	30	0	30	40
Đại học Indrapastha (Ấn Độ)	223		151				72
Đại học Steden (Hà Lan)	154		122				32

16. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành được xây dựng theo định hướng ứng dụng. Phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, mục đích, mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ và nguồn lực của Trường ĐHDL và theo hướng đổi mới phương pháp giảng dạy gắn liền với thực tiễn, giảm giờ lý thuyết, tăng giờ thảo luận và tự học, lấy người học làm trung tâm. Đồng thời, chương trình được biên soạn đảm bảo sự liên thông với các ngành đào tạo khác. Khi thực hiện chương trình cần chú ý:

- Theo định hướng ứng dụng nhiều hơn hướng tiềm năng.
- Kiến thức cơ sở được rút gọn ở mức độ hợp lý.
- Khối kiến thức ngành sẽ được tăng lên, chủ yếu ở phần thực hành.

Việc triển khai chi tiết thực hiện chương trình và giám sát chất lượng chuyên môn sẽ do Ban Giám hiệu, Hội đồng khoa học và đào tạo Trường chỉ đạo thực hiện. Trên cơ sở các đơn vị tín chỉ đã được Hiệu trưởng, Hội đồng Khoa học và đào tạo Trường phê duyệt, các khoa, bộ môn liên quan thực hiện và bổ sung sửa đổi để cập nhật với chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.

Một năm học có hai học kỳ chính, mỗi học kỳ chính có ít nhất 15 tuần thực học và 3 tuần thi. Ngoài hai học kỳ chính, Trường có thể tổ chức thêm học kỳ phụ để sinh viên có điều kiện được học lại, học cải thiện hoặc học vượt. Mỗi học kỳ phụ có ít nhất 5 tuần thực học và 1 tuần thi. Đảm bảo nguyên tắc sinh viên học lại, học cải thiện cùng khóa sau, học vượt học cùng khóa trước.

Tín chỉ được sử dụng để tính khối lượng học tập của sinh viên. Một tín chỉ được qui định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 tiết thực hành, thí nghiệm, làm tiểu luận, bài tập lớn; 40 giờ thực tập tại cơ sở; 80 giờ làm đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp.

Một tiết học được tính bằng 50 phút; 1 giờ là 60 phút

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có những đề xuất thay đổi về nội dung kiến thức sẽ đề xuất về đơn vị đầu mối trình Hội đồng khoa học và Đào tạo trường xem xét điều chỉnh. Trong từng giai đoạn cụ thể, các khoa chuyên môn đề xuất đơn vị quản lý đào tạo thay đổi các học phần tự chọn sao cho phù hợp với phát triển của khoa học và công nghệ.

17. Tổ chức giảng dạy và học tập

17.1. Trường không chấp nhận các trường hợp cá nhân hoặc đơn vị tự ý đổi thời khóa biểu sau khi đã có danh sách lớp học phần. Để không ảnh hưởng đến lịch học cá nhân của sinh viên, trong trường hợp bất khả kháng khoa/ bộ môn có thể bố trí giảng viên cùng chuyên môn dạy thay buổi học đó hoặc giảng viên phải báo hủy lịch dạy, xin dạy bù vào thời gian thích hợp. Trường chỉ chấp nhận Phiếu báo bận của giảng viên kèm theo bản copy Quyết định của Hiệu trưởng cử giảng viên đi công tác, học tập... trong thời gian xin hủy lịch dạy. Ngoài ra, mọi thay đổi về thời khóa biểu thực hiện quy chế đào tạo hiện hành.

17.2. Trường có Ban thanh tra đào tạo để thanh tra, giám sát nội bộ việc thực hiện quy chế đào tạo của giảng viên và sinh viên; có hệ thống cải tiến chất lượng dựa trên thu

thập, đánh giá ý kiến phản hồi của sinh viên về các điều kiện bảo đảm chất lượng, hiệu quả học tập đối với tất cả các lớp học phần của Trường, kết quả khảo sát được xử lý theo quy định của Trường.

17.3. Căn cứ quy định về giảng dạy trực tuyến của Nhà trường, khoa Quản lý CTĐT đề xuất danh mục các học phần được tổ chức giảng dạy bằng hình thức trực tuyến; chiếm tối đa 30% tổng số tín chỉ các học phần trong CTĐT (không bao gồm các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng – An ninh). Lớp học trực tuyến được tổ chức khi đáp ứng các quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng; có các giải pháp bảo đảm chất lượng và minh chứng về chất lượng tổ chức lớp học hình thức trực tuyến không thấp hơn chất lượng lớp học hình thức trực tiếp; các học phần giảng dạy trực tuyến phải quy định trong đề cương chi tiết học phần của chương trình đào tạo được Hiệu trưởng phê duyệt.

17.4. Trách nhiệm và quyền hạn của giảng viên được phân công giảng dạy hoặc hướng dẫn cho sinh viên các nội dung thí nghiệm, thực hành, các học phần đồ án, thực tập ...

a) Thực hiện nhiệm vụ của công chức, viên chức theo quy định của Luật Giáo dục, Luật cán bộ, công chức và pháp luật có liên quan; Giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của nhà giáo; tôn trọng nhân cách của sinh viên, đối xử công bằng với sinh viên, bảo vệ các quyền, lợi ích chính đáng của sinh viên; Tham gia quản lý đơn vị, tham gia công tác Đảng, đoàn thể khi được tín nhiệm và các công tác khác được trường, khoa, bộ môn giao; Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các quy chế, quy định của Trường;

b) Giảng dạy, kiểm tra, đánh giá học phần một cách khách quan, chính xác theo đúng đề cương chi tiết học phần và kế hoạch giảng dạy đã được ban hành;

c) Vận dụng linh hoạt và thường xuyên cải tiến phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá để đảm bảo truyền thụ cho sinh viên phương pháp luận, phát triển năng lực nhận thức, năng lực sáng tạo, kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm; rèn luyện cho sinh viên phương pháp tự học, tự nghiên cứu, tư duy sáng tạo và đạo đức nghề nghiệp;

d) Tham gia quản lý giờ học của sinh viên trên lớp, phòng thí nghiệm, nhà xưởng hoặc trên thực địa và hướng dẫn sinh viên thực tập học phần ngoài trường, tự học, tự nghiên cứu, bao gồm: Xác định và giao các vấn đề, nội dung, yêu cầu để sinh viên hoặc nhóm sinh viên chuẩn bị cho nghe giảng và thảo luận trên lớp, thực hành, thí nghiệm; Xác định và giao các nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu cho sinh viên hoặc nhóm sinh viên;

17.5. Trách nhiệm của các đơn vị chuyên môn và các đơn vị quản lý, hỗ trợ liên quan đến sinh viên:

a) Đơn vị quản lý đào tạo: Lập tiến độ đào tạo trong năm học, lên kế hoạch mở lớp học phần cho từng học kỳ, tiếp nhận phân công giảng dạy cho giảng viên từ các khoa/bộ môn; xếp thời khoá biểu từng học kỳ; tổ chức cho sinh viên đăng ký học phần; chủ trì xét điều kiện cảnh báo học tập, thôi học; quản lý các bảng điểm gốc, kết quả học tập của sinh viên, bảng tổng hợp kết quả học tập của sinh viên theo Quyết định tốt

nghiệp, tổ chức in ấn, cấp phát văn bằng, chứng chỉ của hệ chính quy do Phòng Đào tạo thực hiện; của hệ vừa làm vừa học do Trung tâm đào tạo thường xuyên thực hiện.

b) Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng: Tổ chức xây dựng và quản lý ngân hàng đề thi kết thúc học phần; xây dựng kế hoạch và tổ chức thi kết thúc học phần; khảo sát, lấy ý kiến đánh giá của người học về học phần và giảng viên giảng dạy.

17.6. Trách nhiệm và quyền hạn của sinh viên khi tham dự các lớp học, tham gia thí nghiệm, thực hành hoặc khi được giao thực tập, đồ án, khoá luận và các hoạt động học tập khác. Sinh viên khi nhập học được cung cấp email, tài khoản truy cập vào cổng thông tin ĐHDL để xem thông tin về chương trình đào tạo, các quy chế, qui định liên quan đến đào tạo qua trang web của trường theo địa chỉ <http://www.epu.edu.vn>.

a) Nghiên cứu kỹ chương trình đào tạo để đăng ký học phần chính xác; đáp ứng các điều kiện để được đăng ký học phần thành công.

b) Tham dự đầy đủ các giờ lên lớp, thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của sinh viên khi giảng viên yêu cầu.

c) Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra thường xuyên, bài thi kết thúc học phần và hoàn thành báo cáo thực tập, thực hành, thí nghiệm theo quy định.

d) Thực hiện các quyền lợi và nghĩa vụ khác của sinh viên theo quy chế học sinh, sinh viên hiện hành.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC
Q. HIỆU TRƯỞNG


Đinh Văn Châu

Hà Nội, ngày 31 tháng 8 năm 2023
KHOA KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ
PHỤ TRÁCH KHOA


Lê Anh Tuấn

Phụ lục

Tài liệu tham khảo xây dựng chương trình

A. Các văn bản pháp lý

1. Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;
2. Thông tư 08/2021/TT-BDGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ giáo dục và Đào tạo về ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học.
3. Thông tư 17/2021/TT-BDGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ giáo dục và Đào tạo về Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.
4. Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ giáo dục và Đào tạo về Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.
5. Quyết định 638/QĐ-ĐHĐL, ngày 24/5/2022 của Trường Đại học Điện lực về việc ban hành Quy định xây dựng, thẩm định, đánh giá, cải tiến chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học;
6. Quyết định 639/QĐ-ĐHĐL, ngày 24/5/2022 của Trường Đại học Điện lực về việc ban hành Quy định biên soạn, rà soát và điều chỉnh đề cương chi tiết học phần của Trường Đại học Điện lực;
7. Quyết định 1244/QĐ-ĐHĐL, ngày 12/8/2022 của Trường Đại học Điện lực ban hành Quy định về việc biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng tài liệu giảng dạy, giáo trình tại Trường Đại học Điện lực;
8. Quyết định 975/QĐ-ĐHĐL, ngày 04/7/2022 của Trường Đại học Điện lực về việc ban hành Quy định xây dựng, rà soát và điều chỉnh chuẩn đầu ra chương trình đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Điện lực;
9. Kế hoạch số 1652/KH-ĐHĐL-ĐT ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Trường Đại học Điện lực về việc triển khai kế hoạch cập nhật, đánh giá các chương trình đào tạo.
10. Quyết định số 345/QĐ-BTC ngày 16/3/2020 phê duyệt đề án áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính tại Việt Nam
11. Quyết định 633/QĐ-TTg về phê duyệt Chiến lược kế toán - kiểm toán đến năm 2030 ban hành ngày 23/05/2022.
12. Kết quả khảo sát các bên liên quan.
13. Kết quả hội thảo về CDR, CTĐT.
14. Các văn bản về tầm nhìn, sứ mệnh, chiến lược của Trường Đại học Điện lực và Khoa Kinh tế và Quản lý.

B. Khung chương trình các trường đại học trong nước và quốc tế

* Các trường đại học trong nước

1. Trường Đại học Thương Mại:

STT	Khối lượng học tập	Tổng số	Số tín chỉ			Tỷ lệ
			LT	TH/TN	TL/BTL /ĐA,TT	
1	Kiến thức giáo dục đại cương	37	34	6	0	28 %
2	Kiến thức cơ sở ngành	29	21	8	1	22%
3	Kiến thức chuyên ngành	45	21	24	0	34%
4	Kiến thức bổ trợ	10	10			8%
5	Kiến thức tốt nghiệp	10	0	0	10	8%
	Tổng cộng	131				100.00%

2. Trường Đại học Kinh tế quốc dân:

STT	Khối lượng học tập	Tổng số	Số tín chỉ			Tỷ lệ
			LT	TH/TN	TL/BTL /ĐA,TT	
1	Kiến thức giáo dục đại cương	44	44	0	0	34%
2	Kiến thức cơ sở ngành	15	15	0	0	11%
3	Kiến thức ngành	42	42	0	0	33%
4	Kiến thức chuyên sâu	18	18	0	0	14%
5	Kiến thức tốt nghiệp	10	0	0	10	8%
	Tổng cộng	129				100.00%

3. Trường Đại học Đà Lạt:

STT	Khối lượng học tập	Tổng số	Số tín chỉ			Tỷ lệ
			LT	TH/TN	TL/BTL /ĐA,TT	
1	Kiến thức giáo dục đại cương	44	44	0	0	33%
2	Kiến thức cơ sở ngành	27	23	4	0	20%
3	Kiến thức ngành	35	29	6	0	27%
4	Kiến thức bổ trợ	13	13	0	0	10%
5	Kiến thức tốt nghiệp	12	0	0	1	9%
	Tổng cộng	131				100%

* Các trường đại học nước ngoài

TT	Khối lượng học tập	Trường Đại học Swansea University (Anh)	Đại học Indrapastha (Ấn Độ)	Đại học Steden (Hà Lan)
1	Kiến thức giáo dục đại cương	40	151	122
2	Kiến thức cơ sở ngành	30		
3	Kiến thức ngành	40		
4	Kiến thức bổ trợ	30	72	32
	Tổng cộng	140	223	154

3. So sánh chi tiết các học phần dùng trong chương trình đào tạo trong nước

TT	Tên học phần	Trường Đại học Điện lực	Trường Đại học Thương mại	Trường Đại học Kinh tế quốc dân	Đại học Đà Lạt
1	Triết học mác lênin	3	3	3	3
2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	3	2	2
3	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2	3	2	2
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	3	2	2
5	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	3	2	2
6	Pháp luật đại cương	2	3	3	3
7	Tiếng Anh 1	4	3	9	6
8	Tiếng Anh 2	4	3		
9	Xác suất thống kê	2			
10	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	2		
11	Năng lượng cho phát triển bền vững	2			
12	Ứng dụng CNTT cơ bản	3	3		
13	Quản trị học	3	3		
14	Giáo dục thể chất	4	3	4	3
15	Giáo dục quốc phòng	11	8	8	8
16	Thực tập nhận thức Lễ hành – Khách sạn	5	8		
17	Kinh tế vi mô	3		3	
18	Thống kê ứng dụng trong kinh doanh	3			
19	Tổng quan du lịch	2	2		
20	Văn hóa du lịch	2	2	3	3
21	Marketing căn bản	2		3	
22	Tài nguyên du lịch	3	2		
23	Thực tập nghiệp vụ Lễ hành – Khách sạn	5	12		4
24	Tâm lý và nghệ thuật giao tiếp ứng xử trong KD du lịch	3	2	3	3
25	Tiếng Anh du lịch	3	4		3
26	Luật du lịch	2			

TT	Tên học phần	Trường Đại học Điện lực	Trường Đại học Thương mại	Trường Đại học Kinh tế quốc dân	Đại học Đà Lạt
27	Kinh tế du lịch	3	3		3
28	Quản lý điểm đến du lịch	3	3	3	4
29	Quản trị bán và chăm sóc khách hàng trong du lịch	3			3
30	Thực tập Quản trị tác nghiệp Lữ hành - Khách sạn	5	12		
31	Hướng dẫn du lịch	3	2	3	
32	Tiếng anh chuyên ngành	3			
33	Quản lý nhân lực	2	2	3	3
34	Thực hành môn học Lữ hành – Khách sạn	5			6
35	Quản lý tài chính	3		3	
36	Hành vi người tiêu dùng	3		3	
37	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2			3
38	Thương mại điện tử	2			
39	Nguyên lý kế toán	3		3	3
40	Tiếng anh chuyên ngành KSDL	3	4	3	
41	Quản trị kinh doanh lữ hành	3	3	3	4
42	Marketing du lịch	2	3	3	3
43	Quản trị kinh doanh khách sạn	3	5		4
44	Thiết kế và điều hành tour du lịch	3		3	
45	Quản trị kinh doanh dịch vụ giải trí và hội nghị	3	2		
46	Quản trị kinh doanh nhà hàng	2		3	3
47	Thực tập tốt nghiệp	4	3		5
48	Khóa luận tốt nghiệp	7	7	10	7